

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600941221 do 4600941221 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/03/2011, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/07/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 23.1./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 10 năm 2021.)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 028.0656 7898 Fax: 028.0356 9898

Website: <https://tdtgroup.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888 Fax: (024) 3818 1688

Website: <https://www.shs.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Nguyễn Việt Thắng

Số điện thoại: 028.0656 7898

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/03/2011, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/07/2020



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: 4.648.714.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: 4.648.714.000 đồng
Số lượng cổ phiếu khác phát hành cùng đợt	: - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 2.091.921 cổ phiếu - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty: 650.000 cổ phiếu

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biên cơ hội thành giá trị

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888

Fax: (024) 3818 1688

Website: <http://www.shs.com.vn>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM



VP chính: Tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 22210082

Fax: (84-24) 22210084

Website: www.pkf.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Tổ chức phát hành.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
1.1. Tăng trưởng kinh tế	8
1.2. Lạm phát	9
1.3. Lãi suất tín dụng	9
1.4. Tỷ giá hối đoái	10
2. Rủi ro về pháp luật	11
3. Rủi ro đặc thù.....	11
4. Rủi ro của đợt chào bán	12
5. Rủi ro pha loãng.....	12
5.1. Pha loãng giá cổ phiếu	12
5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu	13
5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách	13
5.4. Rủi ro giảm tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết	13
6. Rủi ro quản trị Công ty.....	13
7. Rủi ro khác	13
III. CÁC KHÁI NIỆM	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	14
1. Thông tin chung về Công ty.....	14
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty	17
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	17
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	18
5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của TDT, những công ty mà TDT đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi	

phối đối với TDT.....	25
5.1. Công ty mẹ của TDT	25
5.2. Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các đơn vị góp vốn khác của TDT.....	25
5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TDT	25
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty.....	25
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của TDT tại các doanh nghiệp khác.....	26
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	26
8.1. Cổ phiếu phổ thông.....	26
8.2. Cổ phiếu ưu đãi.....	26
8.3. Các loại chứng khoán khác.....	27
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	27
10. Hoạt động kinh doanh.....	28
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh	28
10.2. Tài sản.....	32
10.3. Thị trường hoạt động	33
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành.....	34
10.5. Các hợp đồng lớn.....	35
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn	38
10.7. Vị thế của TDT trong ngành.....	39
10.8. Hoạt động Marketing.....	40
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	41
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	42
10.11. Chiến lược kinh doanh.....	42
11. Chính sách đối với người lao động.....	43
11.1. Cơ cấu lao động	43
11.2. Chính sách đối với người lao động.....	43
12. Chính sách cổ tức.....	44
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	44
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của TDT	45
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới TDT có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán,	

giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	46
16. Thông tin về cam kết của TDT không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	47
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	47
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	47
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	47
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	47
2. Tình hình hoạt động tài chính	48
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	48
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	51
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	52
3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.....	52
3.2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.....	52
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	53
4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2021	53
4.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.....	53
5. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	53
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	54
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	54
2. Thông tin về cổ đông lớn	54
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	55
3.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	55
3.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát	67
3.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	71
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	72

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông	72
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu	72
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 4.648.714 cổ phiếu	72
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 46.487.140.000 đồng.....	72
5. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần	72
6. Phương pháp tính giá	72
7. Phương thức phân phối.....	73
8. Đăng ký mua cổ phiếu	73
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	74
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	74
11. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT	75
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	75
13. Hủy bỏ đợt chào bán.....	75
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	75
15. Các loại thuế có liên quan	75
16. Thông tin về các cam kết.....	77
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	77
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	78
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	78
1. Sử dụng tiền để mua sắm bổ sung máy móc thiết bị cho các nhà máy	78
2. Sử dụng tiền để bổ sung vốn lưu động.....	79
3. Thông tin về thứ tự mục đích ưu tiên sử dụng vốn	81
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	81
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	82
XII. PHỤ LỤC	82

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT****Ông: Chu Thuyên**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông: Nguyễn Việt Thắng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: Phạm Thái Hòa

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**Đại diện được ủy quyền: Bà: **Trần Thị Thu Thanh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 07/2021/UQ-TGD ngày 26/02/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 29/2021/HĐTVTC/SHS.HS.TV ngày 31/05/2021 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

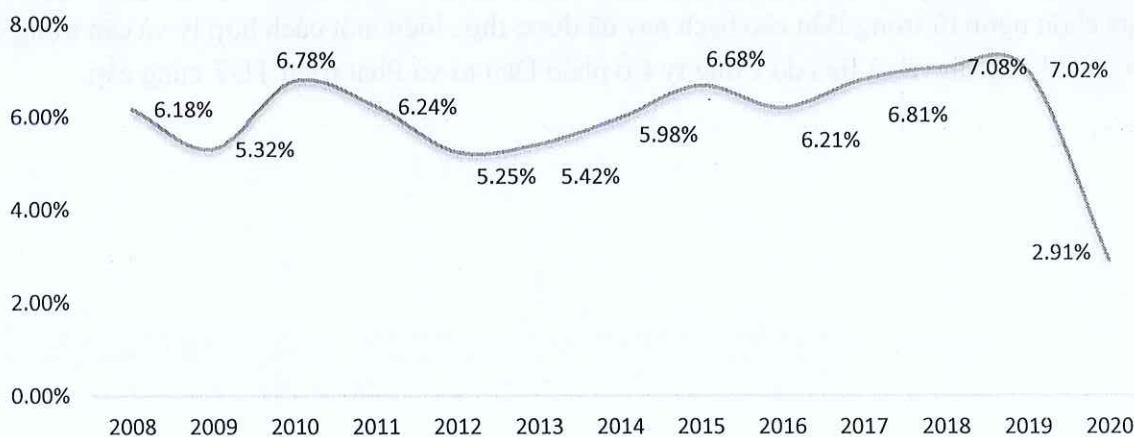
Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế trong nước được đề cập dưới đây:

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Sau giai đoạn chững lại từ năm 2010 – 2014, nền kinh tế Việt Nam đã lấy lại đà tăng trưởng vững mạnh trong những năm gần đây. Giai đoạn năm 2018 – 2019, tăng trưởng của Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đều đạt trên 7%, đây là một tín hiệu rất khả quan cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta đang tiếp tục tăng trưởng sôi động.

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam thấp nhất từ năm 2008 với tốc độ tăng GDP đạt 2,91%, đầu tư nước ngoài (FDI) chững lại. Tuy nhiên, so với các quốc gia trên thế giới, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng và đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia, Thái Lan, Philippines).

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2008-2020

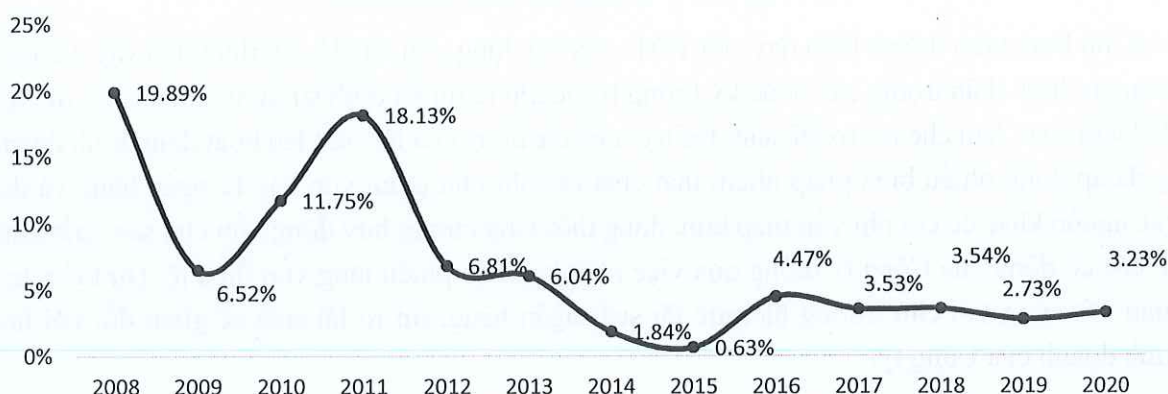


Nguồn: Tổng cục thống kê

Lĩnh vực kinh doanh chính của TDT là sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng dệt may nên hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 chịu nhiều ảnh hưởng của việc suy giảm tăng trưởng kinh tế trong năm vừa qua. Tuy nhiên, sang năm 2021 với vị thế là một nước kiểm soát tốt dịch Covid, các hoạt động kinh tế trong nước đã có sự phục hồi nhanh chóng. Bên cạnh đó, với chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, năm 2021 – 2022 có thể được kỳ vọng là năm phục hồi và phát triển của ngành dệt may Việt Nam. Cùng với sự phục hồi tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế, doanh thu của Công ty dự kiến sẽ gia tăng trong thời gian tới.

1.2. Lạm phát

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2020



Nguồn: Tổng cục thống kê

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 1,84% so với năm 2012 và năm 2013. Năm 2015, lạm phát Việt Nam là 0,63%, mức thấp nhất trong 10 năm qua. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh.

Từ năm 2017 đến năm 2020 chỉ số CPI đã được kiểm soát thành công, duy trì mức dưới 4%/năm. Năm 2021 Quốc Hội đặt mục tiêu chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục phải duy trì ở mức dưới 4% để đảm bảo an sinh xã hội và tăng trưởng kinh tế. Mức lạm phát này chỉ ở mức trung bình, ngưỡng lạm phát chấp nhận được và không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty. Để giảm thiểu các rủi ro tăng giá và chi phí, Công ty luôn tìm cách khai thác và đa dạng hóa các nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu, nhân công và chi phí khác để có được cơ hội tiếp cận đến nguồn chi phí thấp nhất đồng thời nghiên cứu, triển khai các biện pháp đưa máy móc công nghệ hiện đại vào sản xuất, góp phần tiết kiệm chi phí.

1.3. Lãi suất tín dụng

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay doanh nghiệp đã trở nên bình ổn, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo công bố của IMF (03/2020), lãi suất cho vay của Việt Nam ở mức 7,7%, tương đương Philippines (7,13%), thấp hơn một số nước có trình độ phát triển tương đồng trong khu vực như Indonesia (10,01%), Mông Cổ (16,81%), Bangladesh (9,62%), Ấn Độ (9,4%), Myanmar (16%). Từ đó, các doanh nghiệp sẽ tiết giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh.

Từ đầu năm 2020 đến nay, để tạo điều kiện giảm mặt bằng lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) đã điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất điều hành với quy mô tương đối lớn. Gần đây nhất, ngày 30/09/2020, NHNNVN ban hành quyết định số 1730/NĐ-NHNH về mức lãi suất cho vay ngắn hạn

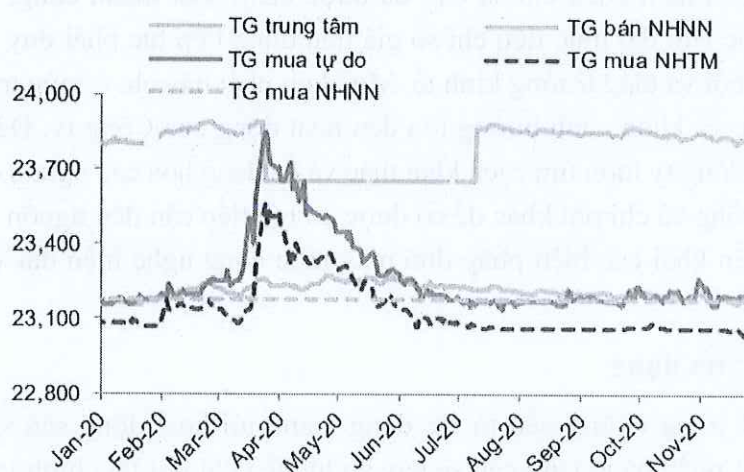
tối đa bằng đồng Việt Nam là 4,5%/năm. Trước đó, ngày 30/03/2020, Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành thông tư số 01/2020/TT-NHNN về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của TDT, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Do vậy, ban điều hành Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất. Để hạn chế tác động của lãi suất lên hoạt động kinh doanh, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay từ ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn, đồng thời tăng cường huy động vốn cho sản xuất kinh doanh từ các cổ đông của Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Dự kiến, trong thời gian tới, cùng với chủ trương hạ mức lãi suất ngân hàng, rủi ro lãi suất sẽ giảm đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.4. Tỷ giá hối đoái

Năm 2019, tỷ giá chịu ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung là khá lớn. Bên cạnh đó, việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất 3 lần và sự điều tiết cung ngoại hối của Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã ảnh hưởng lên các đợt tăng mạnh của tỷ giá. Trong năm 2019, tỷ giá trung tâm USD/VND đã có 3 lần lập đỉnh. Bước sang năm 2020, do chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến thị trường vàng, chứng khoán liên tục biến động nhưng tỷ giá USD/VND vẫn tương đối ổn định. Với việc dự trữ ngoại hối cao kỷ lục, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có đủ công cụ và nguồn lực để điều hành tỉ giá theo hướng ổn định, đáp ứng cung-cầu thị trường.

Biểu đồ 3: Diễn biến tỷ giá điều hành của Ngân hàng nhà nước



Nguồn: Bloomberg

Năm 2021, đồng VND được dự báo sẽ tăng giá khoảng 0,5-1% trong bối cảnh nguồn cung ngoại tệ tích cực, áp lực lạm phát được dự báo giảm và đồng USD giảm giá. Hiện nay, tỷ giá VND/USD niêm yết tại các ngân hàng thương mại và trên thị trường tự do vẫn rất ổn định, lần lượt ở mức 23.010 - 23.220 đồng và 23.200 - 23.230 đồng.

Hoạt động kinh doanh của TDT có nhiều các giao dịch với đối tác nước ngoài bằng ngoại tệ. Do đó, Công ty luôn theo dõi, dự báo biến động của các nhân tố chính có tác động lên tỷ giá, để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng. Công ty cũng áp dụng các chính sách bán hàng linh hoạt dựa trên biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về pháp luật

Là Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, đã niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung nên mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng và Luật chứng khoán, các Thông tư, Nghị định về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, Công ty còn chịu sự điều chỉnh bởi Luật Xuất nhập khẩu, Luật sản xuất, các Hiệp định thương mại quốc tế với Việt Nam và các chính sách pháp luật khác có liên quan.

Việt Nam vẫn là một nước đang phát triển, do đó Luật và các văn bản pháp luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi của hệ thống pháp luật này có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, để hạn chế rủi ro đó, Công ty đã chủ động cập nhật các văn bản pháp luật điều chỉnh từ lúc dự thảo cho đến khi được ban hành chính thức, để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

- *Rủi ro nguồn nguyên vật liệu:*

Nguyên liệu chính của Công ty là vải, cúc, kim, chỉ, bao bì, các nguyên liệu ngành dệt,

Thị trường dệt may Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu đầu vào từ nước ngoài, chủ yếu do sự phát triển không đồng đều giữa ngành may mặc và ngành dệt. 65% nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ Trung Quốc. Năm 2019 - 2020, do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19, nguồn cung ứng nguyên vật liệu chính này bị gián đoạn, thậm chí có thời điểm đứt gãy hoàn toàn đã gây ra ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro trên, Công ty đã luôn nỗ lực tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu có giá thành hợp lý, chất lượng đảm bảo, đặc biệt ổn định về năng lực cung cấp của đối tác trong và ngoài nước.

- *Rủi ro cạnh tranh:*

Đối với TDT, sức ép cạnh tranh không chỉ đến từ các thị trường mới nổi mà còn đến từ các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực sản xuất may mặc trong nước. Là một thương hiệu nhỏ trong ngành dệt may, TDT chịu rất nhiều sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn trên thị trường. Bên cạnh đó, Việt Nam hiện phải đối mặt với khó khăn về đơn giá, do khách hàng nhiều khu vực trên thế giới đang có xu hướng giảm tỷ trọng đơn hàng, đẩy các doanh nghiệp dệt may Việt Nam, trong đó có TDT vào trận chiến tranh giành thị trường ngày một khốc liệt hơn.

Rủi ro cạnh tranh không chỉ giới hạn trong nước, mà còn đến từ những doanh nghiệp cùng ngành trên thế giới như Myanmar, Campuchia và thậm chí là Trung Quốc.

Để giảm thiểu rủi ro này, TDT đã và đang tập trung định hướng phát triển theo mô hình đơn hàng tự chủ sản xuất tự chủ nguyên liệu (FOB), giúp định hình chỗ đứng của doanh nghiệp trên thị trường may mặc Việt Nam và thế giới.

- *Rủi ro an toàn sức khỏe*

Tai nạn lao động và những ảnh hưởng tiêu cực từ việc sản xuất đến người lao động trong quá trình làm việc luôn hiện hữu. Để tăng cường các giải pháp hạn chế rủi ro, TDT đã trang bị cơ sở vật chất, thiết bị, đồ bảo hộ lao động, chế độ kiểm định đầy đủ và an toàn. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên tổ chức đào tạo, diễn tập các tình huống khẩn cấp cho người lao động, ban hành các nội quy, chế độ giám sát và chế tài xử lý để thúc đẩy việc tuân thủ toàn diện an toàn lao động.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết. Do vậy, Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để thực hiện mục đích chào bán. Tổng giá trị số tiền dự tính thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu của Công ty là **46.487.140.000 đồng** (trường hợp phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán). Trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán, lượng cổ phiếu chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng: Hội đồng quản trị tiếp tục phân bổ cho các cổ đông/nhà đầu tư có nhu cầu mua với giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại ngày 31/12/2020 là 11.257 đồng/cổ phiếu; Thị giá hiện tại trên thị trường cổ phiếu (giá đóng cửa ngày 14/10/2021 là 13.900 đồng/cổ phiếu). Hai mức giá này đều cao hơn giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu nên khả năng bán hết số cổ phiếu chào bán của Công ty là tương đối khả thi. Ngoài ra, với triển vọng tăng trưởng của Công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là rất lớn, đảm bảo sự thành công của đợt chào bán.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu là 4.648.714 cổ phiếu. Sau khi toàn bộ số cổ phiếu trong đợt chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư nên lưu ý, lượng cổ phiếu chào bán thêm sẽ khiến tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên làm xuất hiện các rủi ro pha loãng, bao gồm:

5.1. Pha loãng giá cổ phiếu

Việc TDT chào bán 4.648.714 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá cổ phiếu của Công ty bị pha loãng.

Giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + I_1 \times P_{r1}}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CĐHH.

Giả sử giá cổ phiếu của TDT tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là 12.000 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu của TDT sau khi pha loãng được tính theo công thức:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{12.000 + 3:1 \times 10.000}{1 + 3:1} = 10.500 \text{ đồng /cổ phiếu}$$

Như vậy, việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty.

5.2. *Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu*

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) pha loãng được tính như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của TDT tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

5.3. *Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách*

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV):

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

5.4. *Rủi ro giảm tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết*

Đối với việc chào bán cho cổ đông hiện hữu, trong trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền mua sẽ dẫn đến số lượng cổ phiếu của cổ đông không thay đổi trong khi tổng số lượng cổ phiếu lưu hành của TDT tăng từ đó làm phát sinh giảm tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của cổ đông tại Công ty sau đợt chào bán.

6. *Rủi ro quản trị Công ty*

Công ty được thành lập từ năm 2011 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2018. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó, các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, kinh nghiệm lâu năm trong ngành đã và đang giúp đội ngũ quản trị của Công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

7. *Rủi ro khác*

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng khác như

rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc có thể làm cho các khách hàng truyền thống bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động nhất định đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	: Báo cáo tài chính
Công ty/ TDT	: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
CMT	: Cut-Make-Trim – thuật ngữ trong ngành Dệt may
FOB	: Free-On-Board – thuật ngữ trong ngành Dệt may
OEM	: Original Equipment Manufacturing – thuật ngữ trong ngành Dệt may
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CBNV	: Cán bộ nhân viên
WTO	: World Trade Organization – Tổ chức Thương mại Thế giới
AFAs	: ASEAN Framework Agreement on Services – Hiệp định Khung về Dịch vụ ASEAN
FTAs	: Free Trade Agreements – Các Hiệp định Thương mại tự do
Covid/Covid-19	: Bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi-rút corona (nCoV) gây ra

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Công ty

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
Tên tiếng Anh:	TDT INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	TDT
Trụ sở chính:	Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 028.0656 7898 Fax: 028.0356 9898
 Website: <https://tdtgroup.vn/>
 Vốn điều lệ: **139.461.440.000 đồng**
 Mã chứng khoán: TDT Sàn niêm yết: HNX
 Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/03/2011, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/07/2020
 Người đại diện pháp luật: Ông Chu Thuyên – Chủ tịch HĐQT



Logo:

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1.	1410 (Chính)	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
2.	1430	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc
3.	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
4.	4751	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh
5.	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép
6.	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
7.	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình khác không phải nhà; Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công)).
8.	1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)
9.	1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm
10.	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic
11.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng)
12.	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp

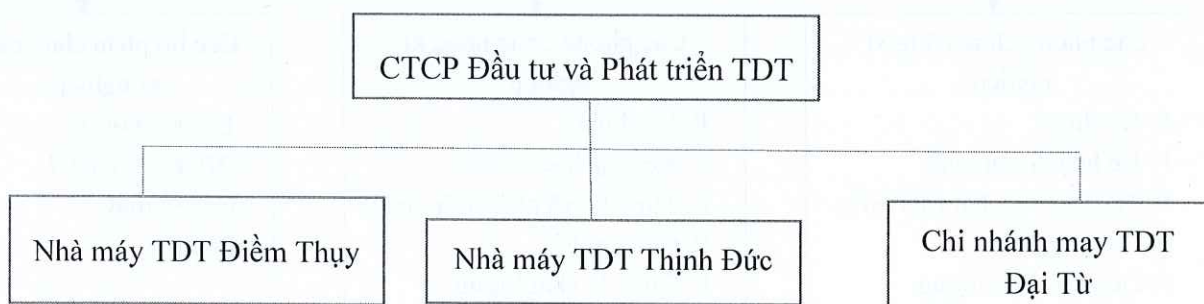
STT	Mã ngành	Tên ngành
13.	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại trừ gạo, thuốc lá, đường mía và đường củ cải)
14.	4632	Bán buôn thực phẩm (Loại trừ gạo, đường mía và đường củ cải)
15.	4633	Bán buôn đồ uống
16.	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mỹ phẩm, đồ lưu niệm; Loại trừ bán buôn sách, báo và tạp chí)
17.	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng không kèm người điều khiển)
18.	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa loại trừ xuất khẩu dầu thô, dầu đã qua chế biến và nhập khẩu thuốc lá, xi gà, báo, tạp chí, vật phẩm lưu trữ thông tin đã ghi âm, ghi hình)
19.	9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
20.	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Dạy nghề may công nghiệp)
21.	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
22.	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
23.	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
24.	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác (Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh)
25.	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
26.	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

STT	Mã ngành	Tên ngành
27.	4102	Xây dựng nhà không để ở
28.	4101	Xây dựng nhà để ở

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

2011	Ngày 22/03/2011, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT được thành lập với số vốn ban đầu là 8 tỷ đồng, đầu tư và quản lý Nhà máy TDT Điềm Thụy với các sản phẩm ban đầu là gia công sản xuất các chi tiết sản phẩm.
2015	Trong năm 2015, bên cạnh thế mạnh sản xuất các chi tiết sản phẩm, Công ty bước đầu nhận các đơn hàng FOB (may sẵn hoàn chỉnh từng sản phẩm).
2016	Năm 2016, Công ty đưa vào hoạt động Nhà máy TDT Thịnh Đức, bước đầu gia tăng thế mạnh và năng lực sản xuất của Công ty.
2017	Ngày 01/12/2017, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thành công với số vốn mới là 80.150.400.000 đồng.
2018	Ngày 18/07/2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là TDT.
2019	Ngày 15/01/2019, Công ty đầu tư xây dựng nhà máy TDT Đại Từ, nhà máy thứ 3 trong chuỗi các nhà máy do TDT quản lý và vận hành, tổng vốn đầu tư lên đến 70 tỷ đồng.
2020	Quý II/2020, Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 139.461.440.000 đồng, nhà máy TDT Đại Từ đi vào hoạt động, nâng cao năng lực sản xuất của Công ty để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản pháp luật hiện hành. Hiện Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đang quản lý và vận hành 3 nhà máy may công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trong đó có 1 chi nhánh của Công ty, đồng thời là nhà máy sản xuất (nhà máy may Đại Từ). Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

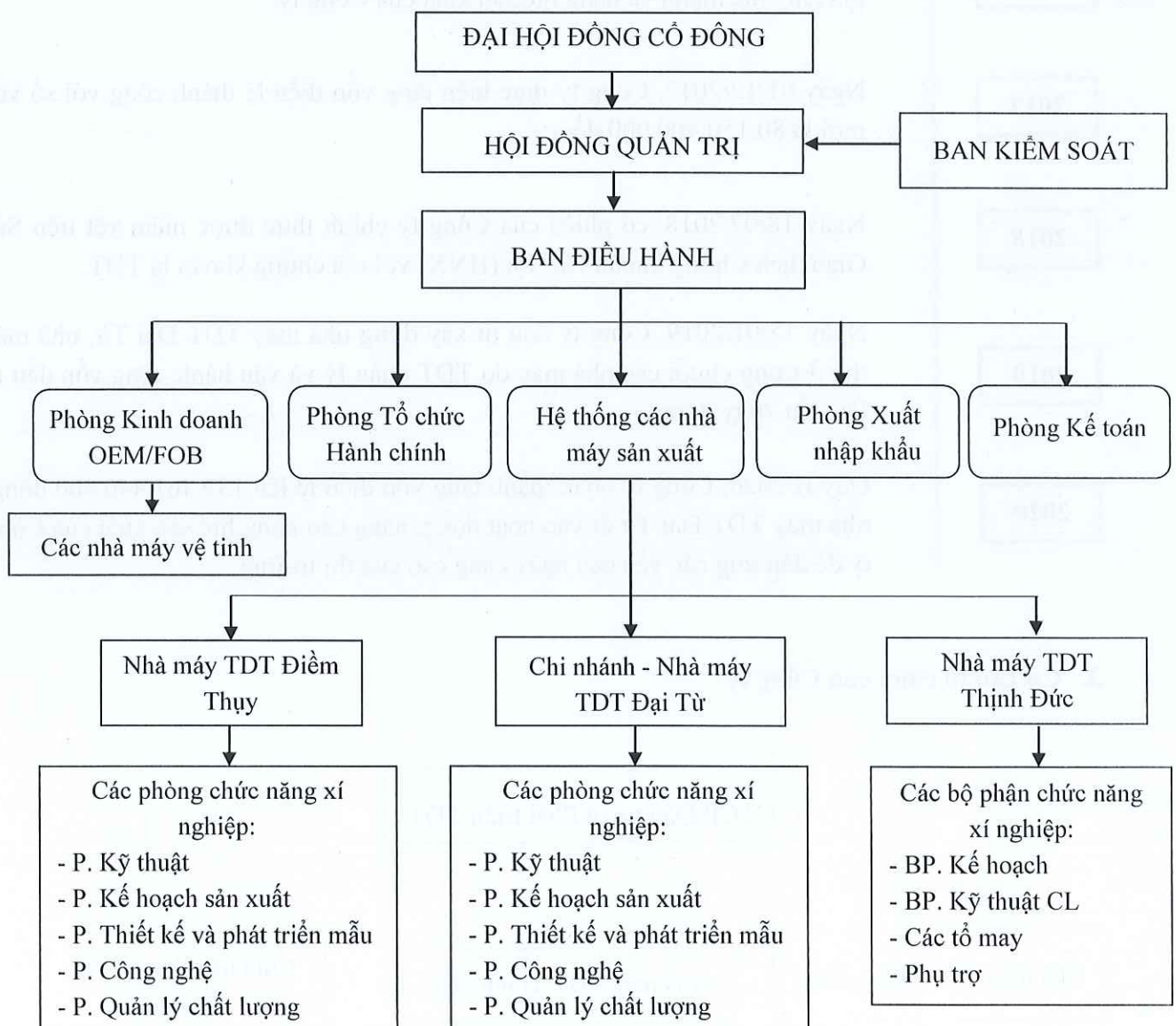
Trụ sở chính CTCP Đầu tư và Phát triển TDT:

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Các nhà máy sản xuất:

- Nhà máy TDT Diềm Thụy, địa chỉ: xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
- Nhà máy TDT Thịnh Đức, địa chỉ: xóm Bến Đò, xã Thịnh Đức, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Chi nhánh TDT - Nhà máy TDT Đại Từ, địa chỉ: xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty



CTCP Đầu tư và Phát triển TDT được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty hiện nay gồm:

❖ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

❖ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (theo quy định tại Điều lệ của Công ty):

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Danh sách các thành viên HĐQT Công ty bao gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
4	Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập
5	Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT (được bầu bổ sung ngày 16/05/2021)

❖ **Ban kiểm soát:**

Ban Kiểm soát (“BKS”) của Công ty do ĐHCĐ bầu. Ban Kiểm soát hiện tại gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty và chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ

trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT cho ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị ĐHĐCĐ các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của ĐHĐCĐ.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng Ban kiểm soát, bổ nhiệm ngày 06/05/2020
2	Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Thành viên Ban Kiểm soát, bổ nhiệm ngày 06/05/2020
3	Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ **Ban Điều hành:**

Ban Điều hành gồm Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng Quản trị, khách hàng về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty;
- Kế toán trưởng: Giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác tài chính, kế toán của Công ty. Tổ chức phân tích các hoạt động kinh tế trong Công ty một cách thường xuyên, đánh giá kết quả và hiệu quả kế hoạch kinh doanh của Công ty, nghiên cứu cải tiến tổ chức kinh doanh nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn kinh doanh, đồng vốn của Công ty;
- Ban Điều hành là bộ phận điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Điều hành có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - + Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - + Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - + Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
 - + Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- + Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- + Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Danh sách các thành viên Ban điều hành Công ty bao gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc, bổ nhiệm từ 18/09/2020
2	Ông Phạm Thái Hòa	Kế toán trưởng

❖ **Các Phòng ban chức năng:**

➤ **Phòng Kinh doanh OEM/FOB:**

- Phát triển khách hàng OEM/FOB;
- Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản lý đơn hàng OEM/FOB. Từng bước nâng cao trình độ quản lý đơn hàng ngày càng chuyên nghiệp và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng giá trị ngành may;
- Nắm bắt xu hướng phát triển của ngành may trên bình diện quốc tế để có những chiến lược và bước phát triển phù hợp;
- Theo dõi sát sao sự chuyển dịch của ngành may theo thời gian để có những quyết định chính xác về khách hàng và ngành hàng phù hợp cho Công ty;
- Xây dựng kế hoạch khách hàng, doanh thu cho từng năm;
- Hỗ trợ Công ty trong công tác xúc tiến thương mại, marketing, quảng bá thương hiệu Công ty;
- Quản lý toàn bộ các đơn hàng OEM/FOB và các đơn hàng sản xuất tại nhà máy vệ tinh.

➤ **Phòng Tổ chức Hành chính:**

- Tham mưu cho Ban điều hành Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy, sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo và nâng bậc lương, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng và kỉ luật;
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ lý lịch, thẩm tra và bổ sung lý lịch hàng năm, thống kê số lượng và chất lượng lao động; Xây dựng quy trình đánh giá xếp loại người lao động. Xây dựng các nội quy, quy chế, điều lệ Công ty và các văn bản, tài liệu khác phục vụ công tác quản lý của Công ty;
- Quản lý trang thiết bị, tài sản, công cụ lao động, phương tiện làm việc tại khu vực trụ sở văn phòng Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về chính sách trả lương và đãi ngộ đối với người lao động; Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách lao động cho người lao động;
- Quản lý công tác lễ tân, tiếp khách, văn thư, lưu trữ, con dấu;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

➤ **Phòng Xuất nhập khẩu:**

- Tham mưu giúp Ban điều hành Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu;
- Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định;
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo xuất nhập khẩu hàng hóa chính xác, nhanh, phục vụ kịp thời cho sản xuất;
- Quản lý chặt chẽ các chi phí xuất nhập khẩu, vận tải, tìm các nhà cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu, vận tải có chất lượng và giá cả cạnh tranh;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

➤ **Phòng Kế toán:**

- Quản lý và tổ chức thực hiện hệ thống tài chính, kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán;
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật;
- Lập báo cáo tài chính và tư vấn các chính sách về cơ cấu vốn, chính sách đầu tư, chính sách nguồn vốn cho Ban điều hành Công ty;
- Xây dựng hệ thống lập ngân sách tài chính và dự báo tài chính cho Công ty trong từng giai đoạn phát triển;
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị về chính sách cổ đông, cổ tức;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

➤ **Hệ thống các nhà máy sản xuất:**

- Nhà máy May Diêm Thụy, Chi nhánh – Nhà máy may TDT Đại Từ
 - + Phòng Kỹ thuật
 - o Xây dựng và duy trì thực hiện từng quy trình cụ thể về công tác quản lý kỹ thuật cho từng bộ phận;
 - o Đảm bảo đồng bộ công tác kỹ thuật theo tiến độ sản xuất, hợp đồng đã ký và cam kết với khách hàng. Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh về công tác kỹ thuật trong quá trình sản xuất;
 - o Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công; Tổ chức hợp với các bộ phận. Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
 - o Phụ trách hoạt động của các tổ đội sản xuất và hỗ trợ, bao gồm: Tổ cắt, các phân xưởng

may, Tổ hoàn thành và Tổ cơ điện.

+ Phòng Kế hoạch sản xuất

- o Tiếp nhận thông tin về các đơn hàng; phối hợp với các phòng có liên quan lập/xem xét thiết kế, dự toán theo quy định; chủ trì hoạch định quá trình tạo sản phẩm theo yêu cầu của từng đơn hàng và theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng;
- o Tổ chức phân công và điều phối nguồn lực tham gia sản xuất, hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành, kiểm soát các quá trình sản xuất trên cơ sở tuân thủ các quy trình, quy phạm, mục tiêu của dự án và hệ thống kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đã được phê duyệt;
- o Thống kê các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm. Chủ trì và phối hợp với các phòng chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý các sản phẩm không phù hợp, giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiến độ và chất lượng sản phẩm;

+ Phòng thiết kế và phát triển mẫu:

- o Tham mưu về thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật cho ban điều hành Công ty;
- o Thiết kế mặt hàng theo yêu cầu của khách hàng, thiết kế mặt hàng mới, nắm vững đặc tính của chất liệu, nghiên cứu đề xuất chất liệu phù hợp, cung cấp thông số kỹ thuật, dữ liệu liên quan đến sản phẩm, tham gia xây dựng định mức nguyên vật liệu để kiểm soát quá trình sản xuất và cung cấp thông tin nghiên cứu đầu tư trang thiết bị mới;
- o Giải quyết yêu cầu, khiếu nại, vướng mắc của khách hàng liên quan đến thiết kế và định mức nguyên liệu sản phẩm.

+ Phòng Công nghệ

- o Tham mưu cho Ban điều hành Công ty các vấn đề liên quan đến công nghệ trong sản xuất;
- o Theo dõi, quản lý các vấn đề công nghệ liên quan đến may mặc trong Công ty. Nghiên cứu, lên phương án cập nhật các công nghệ mới;
- o Quản lý các bộ phận trực thuộc: Kỹ thuật chuyên, Ke gá, Mẫu dấu.

+ Phòng Quản lý chất lượng

- o Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong Công ty;
- o Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh không đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật đúng tiến độ sản xuất;
- o Đảm bảo công tác đánh giá nhà máy về chất lượng hàng hóa; Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công;
- o Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

- Nhà máy may Thịnh Đức

- + Bộ phận Kế hoạch: xây dựng kế hoạch nhận đơn hàng để phân bổ đến từng bộ phận.

- + Bộ phận Kiểm tra chất lượng: chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm của toàn bộ nhà máy.
- + Các tổ may: vận hành các khâu may, lắp ráp sản phẩm.
- + Phụ trợ: hỗ trợ các dây chuyền, tổ may trong các giai đoạn của sản phẩm.

5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của TDT, những công ty mà TDT đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TDT.

5.1. Công ty mẹ của TDT

Không có

5.2. Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các đơn vị góp vốn khác của TDT

Không có

5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TDT

Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn ĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
Tháng 03/2011	8.000.000.000	8.000.000.000	Góp vốn thành lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên
Tháng 12/2011	4.000.000.000	12.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên
Tháng 08/2012	4.000.000.000	16.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên
Tháng 12/2014	10.400.000.000	26.400.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cho Cán bộ Công nhân viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên
Tháng 01/2016	17.160.000.000	43.560.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên
Tháng 08/2017	6.534.000.000	50.094.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên
Tháng 12/2017	30.056.400.000	80.150.400.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn ĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
			hiện hữu	
Tháng 08/2019	36.067.680.000	116.218.080.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu	Ủy ban chứng khoán Nhà nước Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên
Tháng 7/2020	23.243.360.000	139.461.440.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Ủy ban chứng khoán Nhà nước Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của TDT tại các doanh nghiệp khác

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/04/2021

Cổ đông	Số cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	1.801	13.916.020	139.160.200.000	99,78%
* Cá nhân	1.798	13.880.760	138.807.600.000	99,53%
* Tổ chức	3	35.260	352.600.000	0,25%
II. Cổ đông nước ngoài	9	30.124	301.240.000	0,22%
* Cá nhân	8	28.124	281.240.000	0,21%
* Tổ chức	1	2.000	20.000.000	0,01%
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng	1.810	13.946.144	139.461.440.000	100%

Nguồn: Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 20/04/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021:

1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng được xác định như sau:

a) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;

c) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ;

d) Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế;

đ) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

e) Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty.”

- Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600941221 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/07/2020, hiện CTCP Đầu tư và Phát triển TDT có các ngành nghề chi tiết trong bảng Ngành nghề kinh doanh - Mục IV.1 Bản cáo bạch này. Theo đó, Công ty có 2 ngành nghề kinh doanh (Các mã ngành: 4931, 4932) tuân thủ theo quy định của các Hiệp định thương mại quốc tế (WTO, AFAs, FTAs), 2 ngành nghề này có giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài là 49%. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP nêu trên, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là **49%**.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT hiện nay không quy định về tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.
- Đại hội đồng cổ đông của Công ty không quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ xác định nêu trên.
- Tháng 5/2019, TDT đã thực hiện Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 49% theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP. Tuy nhiên, thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 141 Nghị định 155/2020/NĐ-CP:

“3. Trường hợp công ty đại chúng chưa thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo

quy định tại Điều 142 Nghị định này, Công ty phải thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trước khi nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán, cổ đông công ty đại chúng chào bán cổ phiếu ra công chúng.”

TDT đã thực hiện xác định lại tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 49%. Công ty đồng thời đã thực hiện thủ tục thông báo về tỷ lệ sở hữu này theo quy định của Pháp luật. Ngày 05/08/2021, Vụ Phát triển Thị trường đã có Văn bản số 4308/UBCK-PTTT xác nhận hồ sơ thông báo của TDT theo tỷ lệ xác định nêu trên là phù hợp với quy định.

➔ **Do đó, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.**

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại ngày 15/10/2021 của TDT là **0,20% vốn điều lệ**, tương đương **28.124** cổ phiếu (theo Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại ngày 15/10/2021).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm/dịch vụ chính của Công ty

Hoạt động gia công may mặc (CMT)

Là hoạt động truyền thống của Công ty từ những ngày đầu thành lập, gia công sản xuất may mặc đã dần trở thành thế mạnh sản xuất của Công ty. Các đơn hàng CMT (Cut-Make-Trim) được Công ty thực hiện với khối lượng lớn, thời gian sản xuất nhanh chóng.

CMT là các đơn hàng gia công sản xuất. Quy trình sản xuất được chia thành 3 công đoạn chính:

- Cut: Cắt vải từ cuộn vải theo rập thiết kế sẵn từ phía khách hàng.
- Make: May, khâu, vá lại vải với nhau thành sản phẩm hoàn chỉnh.
- Trim: Cắt chỉ và làm sạch chỉ khỏi quần áo sau khi khâu. Dán nhãn & thực hiện kiểm tra, hoàn thiện sản phẩm, đóng gói thành phẩm theo yêu cầu.

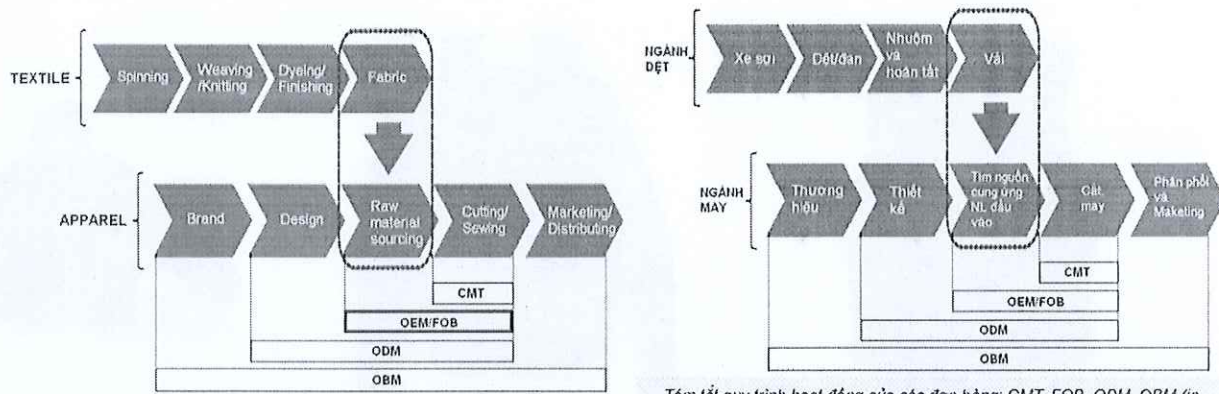
Khi thực hiện đơn hàng này, khách hàng sẽ là bên cung cấp cho TDT toàn bộ đầu vào để sản xuất sản phẩm, TDT chỉ có trách nhiệm thực hiện việc cắt, may và hoàn thiện sản phẩm theo như yêu cầu thiết kế của bên khách hàng.

Công nghệ được sử dụng trong hoạt động này chủ yếu là các máy cắt, máy khâu và máy may công nghiệp.

Hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc (FOB)

Được coi là bước tiến tích cực, năm 2015, Công ty đã bước đầu thực hiện các đơn hàng FOB (Free-On-Board) - đơn hàng có mẫu mã do khách hàng đặt còn phần còn lại thì do TDT tự giải quyết việc sản xuất (*khách hàng lên thiết kế mẫu mã, yêu cầu tính năng sản phẩm và TDT sẽ tự mua vải phụ kiện và sau đó hoàn thiện sản phẩm*). Việc từng bước hoàn thiện các đơn hàng này khiến cho vị thế, sự tự chủ trong việc sản xuất của TDT được nâng lên tầm cao mới, tiến sâu hơn vào công đoạn sản xuất may mặc, tiệm cận tới việc tự chủ trong thiết kế - sản xuất (ODM) đến việc có thương hiệu riêng (OBM), trở thành doanh nghiệp tự chủ hoàn toàn trong chuỗi giá trị may mặc.

Quy trình sản xuất các đơn hàng FOB được tóm tắt như sau:



Source: Compiled by FPT5

Tóm tắt quy trình hoạt động của các đơn hàng: CMT, FOB, ODM, OBM (in Vietnamese)

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm trong các đơn hàng này, TDT cần sử dụng các máy móc công nghệ cao, hoạt động hiệu quả với năng lực sản xuất lớn. Một số máy móc công nghệ được sử dụng có thể kể đến như: Máy lập trình, máy trần đề, máy cắt, máy 1, 2 kim tự động với tính linh hoạt cao

Do chủ động được nguồn nguyên liệu sản xuất, giá trị các đơn hàng FOB thường cao hơn CMT. Đồng thời các nhà cung cấp, đối tác của TDT có thể phát huy được hết tiềm năng của mình do đã có kinh nghiệm đối tác với TDT, tạo tiền đề cho việc linh hoạt trong sản xuất, nâng cao lợi nhuận.

Hiện nay các sản phẩm do TDT sản xuất là sản phẩm may mặc đa dạng, chủ yếu hướng tới đối tượng nam, nữ và thời trang trẻ em, với mẫu mã cơ bản và thiên về dùng cho mùa lạnh.

Một số hình ảnh sản phẩm của TDT





Sản phẩm thời trang nam



Sản phẩm thời trang nữ



Sản phẩm thời trang trẻ em

10.1.2. Tính thời vụ của Hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn chung, Các đơn hàng của Công ty đều được ký hợp đồng và thực hiện trong thời gian 3-6 tháng. Các đơn hàng của Công ty chủ yếu với các đối tác truyền thống, đơn hàng liên tục và gối đầu nhau, đặc biệt gia tăng về sản lượng tại những tháng cuối năm nên khối lượng công việc sản xuất gần như đều đặn và không có biến động lớn.

10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

❖ Cơ cấu doanh thu thuần

Cơ cấu doanh thu thuần năm 2019 – Quý III/2021

Đơn vị: tỷ đồng

Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		Quý III/2021	
	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
Doanh thu từ hoạt động gia công (CMT)	162,76	44%	151,67	56%	110,15	71,34%
Doanh thu từ hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc (FOB)	203,36	56%	120,42	44%	44,25	28,66%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	366,12	100%	272,09	100%	154,40	100%
Các khoản giảm trừ doanh thu	1,12		1,27		0,0017	
Doanh thu thuần	365,00		270,82		154,40	

Nguồn: TDT

Năm 2019, doanh thu từ hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc (đơn hàng FOB) mang lại 56% giá trị tổng doanh thu của Công ty. Sang đến năm 2020 – giữa năm 2021, do ảnh hưởng lớn từ Đại dịch Covid-19, các đơn hàng CMT và FOB của Công ty bị sụt giảm nhiều, tuy nhiên, do đơn hàng CMT giảm ít hơn nên tỷ trọng doanh thu theo phương thức CMT tăng lên.

Do ảnh hưởng từ Đại dịch Covid-19, kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty giảm sút tương đối nhiều so với năm 2019. Doanh thu thuần của Công ty đạt 270,82 tỷ đồng, giảm 26,04% so với cùng kỳ.

Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2019 – Quý III/2021

Đơn vị: tỷ đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		Quý III/2021	
	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG
Doanh thu từ hoạt động gia công (CMT)	45,11	56%	42,35	56%	25,77	77,04%
Doanh thu từ hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc (FOB)	35,37	44%	33,45	44%	7,68	22,96%
Tổng cộng	80,48	100%	75,80	100%	33,45	100%

Nguồn: TDT

10.2. Tài sản

Tài sản cố định tại 31/12/2020

Đơn vị: đồng

	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	76.960.360.748	48.548.585.068	63,1%
2	Máy móc thiết bị	99.604.453.211	44.179.465.678	44,4%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.944.286.474	1.470.238.869	21,2%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.936.889.889	895.540.115	46,2%
5	Tài sản cố định HH khác	299.287.151	34.091.251	11,4%
	Tổng	185.745.277.473	95.127.920.981	51,2%

Nguồn: BCTC năm 2020 được kiểm toán của TDT

10.3. Thị trường hoạt động

Các sản phẩm của TDT chủ yếu được xuất khẩu sang nước ngoài (các quốc gia như: Canada, Hàn Quốc, Mỹ, Ý, Hà Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh) và một số tỉnh, thành phố trong nước (miền Bắc Việt Nam: Thái Nguyên, Hà Nội...).

Cơ cấu Doanh thu theo thị trường năm 2019 – Quý III/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		Quý III/2021	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Thị trường nước ngoài	353.649	96,59%	252.120	92,66%	150.450	97,44%
Thị trường trong nước (miền Bắc)	12.480	3,41%	19.979	7,34%	3.951	2,56%
Tổng cộng	366.129	100,0%	272.099	100,0%	154.401	100%

Nguồn: TDT

Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo thị trường năm 2019 – Quý II/2021

Lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		Quý III/2021	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Thị trường nước ngoài	77.802	96,67%	69.352	91,48%	32.601	97,46%
Thị trường trong nước (miền Bắc)	2.678	3,33%	6.455	8,52%	851	2,54%
Tổng cộng	80.481	100,0%	75.808	100,0%	33.452	100,0%

Nguồn: TDT

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1. Tình hình đầu tư

Năm 2019, Công ty đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy TDT Đại Từ, có địa chỉ tại xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đây là nhà máy thứ 3 được đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, chiến lược phát triển ngày càng cao của Công ty, đồng thời đem lại hiệu quả kinh tế lớn cho địa phương, tạo việc làm cho khoảng 2.000 lao động tại xã Đại Từ và các xã lân cận.

Dự án được xây dựng với tổng mức đầu tư hơn 83,5 tỷ đồng với thiết kế và chất lượng xây dựng đáp ứng được các yêu cầu về kỹ thuật, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo quy định. Hiện nay, nhà máy đã hoàn thiện xong xây dựng nhà xưởng với 20 chuyên sản xuất và đi vào hoạt động từ cuối năm 2020.

10.4.2. Hiệu quả đầu tư

Dự kiến kế hoạch doanh thu 5 năm sau hoạt động của nhà máy TDT Đại Từ như sau:

Khoản mục	Đvt	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
Số chuyên		20	21	22	22	24
Số lao động	35 người/chuyên	700	735	770	770	840
Số làm việc trong năm	Ngày	297	297	297	297	297
Năng suất lao động	USD/người	27	27,27	27,54	27,82	28,10
Tổng doanh thu (USD)		5.613.300	5.952.905	6.298.740	6.361.727	7.009.467
Tổng doanh thu (nghìn VNĐ)	Tỷ giá: 1 USD = 23.200 VNĐ	130.228.560	138.107.388	146.130.769	147.592.077	162.619.634
Lợi nhuận sau thuế (nghìn VNĐ)		542.153	685.889	1.499.827	2.623.080	5.609.890

10.4.3. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Bên cạnh 2 nhà máy may đã có, việc đầu tư và đưa vào hoạt động nhà máy may thứ 3 đã góp phần ổn định khả năng cung cấp các đơn hàng với số lượng lớn của Công ty, đảm bảo năng lực sản xuất của Công ty, nâng cao uy tín của Công ty trong hợp đồng lớn với các đối tác trong và ngoài nước.

10.5. Các hợp đồng lớn

Danh mục một số hợp đồng Công ty đã ký kết và đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, Kiểm soát viên của TDT	Thời gian ký kết	Sản phẩm cung cấp	Giá trị	Thời gian thực hiện	Tình trạng
I	Hợp đồng mua hàng hóa							
1	01-TDT-ANHUI 2019	Anhui Huisang International Development Co.,Ltd	Không có	10/01/2019	Vải chính	3.869.556.069 VNĐ	2019	Đã thực hiện
2	14/TDT-HOANAM2019	Công ty TNHH Bao bì Hoa Nam	Không có		Thùng carton	2.972.858.252 VNĐ	2019	Đã thực hiện
3	01-TDT-JIANGSUANI MAL 2019	Jiangsu Animal By - Products	Không có	21/03/2019	Vải chính	5.355.819.070 VNĐ	2019	Đã thực hiện
4	01-TDT-KUNSHAN/2019	Kunshan Boya Textile Co.,Ltd	Không có	02/01/2019	Vải chính	7.877.738.921 VNĐ	2019	Đã thực hiện
5	01-TDT-SUZHOU 2019	Suzhou Gaoyuan Textile Technology Co.,Ltd	Không có	17/08/2019	Vải chính	15.383.552.684 VNĐ	2019+2020	Đã thực hiện
6	SY1902-1002TDT	Công ty Cổ phần SY Vina	Không có	02/01/2019	Vải chính	3.577.656.678 VNĐ	2019	Đã thực hiện
7	01-TDT-WT 2018	Windtex International Limited	Không có	01/07/2018	Vải chính	10.486.977.079 VNĐ	2019	Đã thực hiện
8	01-TDT-FUJIAN SBS	Fujian SBS Zipper Science &	Không có	04/01/2019	Khóa, cúc	3.942.537.750 VNĐ	2019+2020	Đã thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, Kiểm soát viên của TDT	Thời gian ký kết	Sản phẩm cung cấp	Giá trị	Thời gian thực hiện	Tình trạng
	2019	Technology Co.,Ltd						
9	01-TDT-HAINING RENEN 2020	Haining Renen Textile Co.,Ltd	Không có	01/03/2020	Vải chính	5.532.682.100 VNĐ	2020	Đã thực hiện
10	24/TDT-HOANAM2020	Công ty TNHH Bao bì Hoa Nam	Không có	02/01/2020	Thùng carton	2.129.470.819 VNĐ	2020	Đã thực hiện
11	16/2020/HĐ-BBHP	Công ty Cổ phần bao bì Hòa Phong	Không có	02/01/2020	Thùng carton	6.088.584.879 VNĐ	2020+2021	Đang thực hiện
12	01-TDT-JIANGSU SAINTY 2019	Jiangsu Sainty Techowear Co.Ltd	Không có	21/03/2019	Vải chính	5.212.381.136 VNĐ	2019+2020	Đã thực hiện
13	2020/SY-TDT/2007-1038	Công ty Cổ phần SY Vina	Không có	13/07/2020	Vải chính	8.926.791.980 VNĐ	2020	Đã thực hiện
14	SY2101-1010TDT	Công ty Cổ phần SY Vina	Không có	07/01/2021	Vải chính	2.162.752.469 VNĐ	2021	Đang thực hiện
15	01-TDT-PREMIER 2021	Premier Exim (HK) Ltd	Không có	04/01/2021	Vải chính	1.251.576.172 VNĐ	2021	Đang thực hiện
16	01/THT-TDTC(ASMA)/2021	Công ty Cổ phần Dệt Trần Hiệp Thành	Không có	04/03/2021	Vải chính	5.001.392.803 VNĐ	2021	Đang thực hiện
17	SY2101-1010TDT	Công ty Cổ phần SY Vina	Không có	07/01/2021	Vải chính	2.162.752.469 VNĐ	2021	Đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, Kiểm soát viên của TDT	Thời gian ký kết	Sản phẩm cung cấp	Giá trị	Thời gian thực hiện	Tình trạng
18	01-TDT-Premier Exim (HK) Ltd	Premier Exim (HK) Ltd	Không có	04/01/2021	Vải chính	1.670.019.286 VNĐ	2021	Đang thực hiện
II	Hợp đồng bán hàng hóa							
1	01/TDT-ASMARA/2019	Asmara International Limited	Không có	05/01/2019	Áo Jacket	88.278.765.972 VNĐ	2019	Đã thực hiện
2	02/TDT/CAP 2018	Capital Garment Co.,Ltd	Không có	01/09/2018	Áo Jacket	32.127.890.910 VNĐ	2019	Đã thực hiện
3	06/TDT-PAN/2019	Pan - Pacific Co Ltd	Không có	12/12/2018	Áo Jacket	105.901.624.762 VNĐ	2019	Đã thực hiện
4	01/WNC-TDT/2018	Winners Creations Ltd	Không có	05/07/2018	Quần sooc	50.205.186.359 VNĐ	2019	Đã thực hiện
5	01/TDT-ASMARA/2020	Asmara International Limited	Không có	12/12/2019	Áo Jacket	24.642.082.137 VNĐ	2020+2021	Đang thực hiện
6	01/FAAI-TDT/2020	Control Clothier Co.Ltd	Không có	18/08/2020	Áo Jacket	10.986.015.398 VNĐ	2020	Đã thực hiện
7	01/TDT-COBEST-2020	Cobest Hongkong Co.Ltd	Không có	15/10/2020	Quần	19.971.041.712 VNĐ	2021	Đang thực hiện
8	TDT-SUNJIN2021 (Annex no. 06)	Sunjin Fashion Interational Company	Không có	26/04/2021	Áo Jacket	33.000 USD	2021	Đang thực hiện
9	191028-170615-	Teddy S.P.A	Không có	14/06/2021	Áo Jacket	351.949 USD	2021	Đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, Kiểm soát viên của TDT	Thời gian ký kết	Sản phẩm cung cấp	Giá trị	Thời gian thực hiện	Tình trạng
	15174516 (POA1515)							

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên	Giá trị giao dịch			Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, kiểm soát viên của TDT
		2019	2020	2021		
I	Khách hàng lớn					
1	Asmara International Limited	88.278	16.921	23.975	Áo Jacket	Không có
2	Capital Garment Co.,Ltd	32.127	11.408	14.407	Áo Jacket	Không có
3	Pan - Pacific Co Ltd	105.901	-	14.689	Áo Jacket	Không có
4	Winners Creations Ltd	50.205	-	-	Quần	Không có
5	Control Clothier Co.Ltd	-	10.986	-	Áo Jacket	Không có
6	Cobest Hongkong Co.Ltd	-	19.971	28.022	Quần	Không có
II	Nhà cung cấp lớn					
1	Công ty Cổ phần SY Vina	3.577	8.926	2.162	Vải chính	Không có
2	Suzhou Gaoyuan Textile Technology Co.,Ltd	5.306	10.076	2.559	Vải chính	Không có
3	Fujian SBS Zipper	1.449	2.492	934	Khóa, cúc	Không có

TT	Tên	Giá trị giao dịch			Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn, kiểm soát viên của TDT
		2019	2020	2021		
	Science & Technology Co.,Ltd					
4	Jiangsu Sainty Techowear Co.Ltd	1.289	3.923	1.534	Vải chính	Không có

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

10.7. Vị thế của TDT trong ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc có hoạt động chính là may xuất khẩu, với phân khúc hàng gia công xuất khẩu chiếm đa phần tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu. Hiện nay doanh nghiệp đang thực hiện các đơn hàng theo hai phương thức xuất khẩu là CMT và FOB. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Công ty là Mỹ, một số quốc gia trong khối Liên minh Châu Âu EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada ...

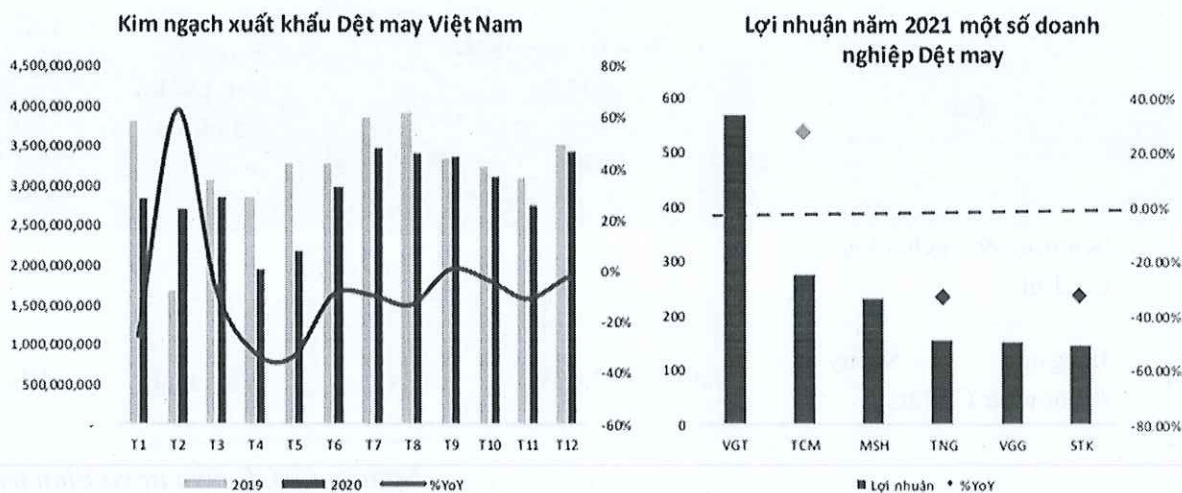
Tại thị trường Việt Nam, quy mô vốn và hoạt động sản xuất của TDT vẫn được coi là nhỏ so với một số doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT có đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm, công nhân lành nghề, cùng hệ thống máy móc thiết bị hiện đại đã và đang đáp ứng được các các yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nổi lên thành một lựa chọn thay thế cho Trung Quốc nhờ chi phí nhân công thấp và các hiệp định thương mại tự do đa phương mới, Việt Nam hiện nằm trong top đầu các nước sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may trên thế giới. Bất chấp những thách thức từ đại dịch COVID-19, ngành dệt may đang thay đổi nhanh chóng để giải quyết khó khăn phát sinh, nâng cao triển vọng phục hồi sau đại dịch.

Kết thúc năm 2020, toàn ngành Dệt may Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu là 35 tỷ USD, giảm 10% so với năm 2019. Trong bối cảnh nền kinh tế chững lại, các doanh nghiệp Dệt may niêm yết cũng ghi nhận sự sụt giảm trong kết quả hoạt động kinh doanh.

(Phần này của trang có ý được để trống)



Nguồn: CTCP Chứng khoán BSC tổng hợp

Sang năm 2021, ngành Dệt may Việt Nam được kỳ vọng phục hồi nhờ việc phục hồi của chuỗi sản xuất truyền thống và nguồn cung cấp nguyên liệu. Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, năm 2021, ngành Dệt may Việt Nam được kỳ vọng quay lại mức kim ngạch xuất khẩu năm 2019 là 39 tỷ USD, tương ứng với mức tăng trưởng 11,4% so với năm 2020.

Trong giai đoạn xa hơn, khi Đại dịch Covid đã được khống chế, ngành Dệt may VN được cho là có thể thu hút sự dịch chuyển đơn hàng sang Việt Nam với khối lượng lớn, do có sự tồn tại của 2 yếu tố chính: Tình hình chính trị tại Myanmar và sự căng thẳng thương mại Mỹ - Trung.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Trên thực tế, trong những năm qua, ngành dệt may đã nhận thức rõ muốn phát triển bền vững và tăng phần giá trị thì phải chuyển đổi phương thức sản xuất từ gia công (CMT) sang FOB (mua nguyên liệu, bán thành phẩm), ODM (tự chủ từ khâu thiết kế, sản xuất đến bán hàng) hay OBM (sở hữu nhãn hàng riêng). Một vài doanh nghiệp quy mô lớn bước đầu đạt được mục tiêu chuyển đổi, nhưng con số này còn rất nhỏ. ODM hay OBM hiện vượt xa năng lực của đa số doanh nghiệp trong nước, vốn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, yếu về mặt quản trị lẫn vốn đầu tư công nghệ, máy móc.

Việc tăng cường tiếp cận thị trường thông qua các Hiệp định Thương mại tự do và công nghệ là động lực tăng trưởng chính cho ngành dệt may. Các Hiệp định Thương mại tự do song phương và đa phương của Việt Nam tiếp tục giúp các nhà sản xuất trong nước tiếp cận các thị trường mới, giảm thiểu tác động của bảo hộ thương mại đang gia tăng. Với các Hiệp định Thương mại tự do mới có hiệu lực như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), sự xuất hiện của các thị trường mới sẽ dẫn đến xuất khẩu cao hơn và thúc đẩy các nhà sản xuất phát triển chuỗi cung ứng của ngành để có thể tận dụng tối đa các ưu đãi về thuế quan và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT đang định hướng đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, đồng thời nâng cấp máy móc và đầu tư vào ứng dụng công nghệ để nâng cao lợi thế sản xuất của Công ty. Trong tương lai, Công ty định hướng phát triển chú trọng các đơn hàng FOB, tịnh tiến tới việc chuyển dịch hoạt động sang tự chủ hoàn toàn về đơn hàng sản xuất, nâng tầm vị thế của Công ty trong và ngoài nước. Đây được coi là bước đi đúng đắn của Ban Lãnh đạo Công ty.

10.8. Hoạt động Marketing

Công ty luôn quan tâm và đề cao tầm quan trọng của hoạt động Marketing. Uy tín của doanh nghiệp có vai trò quyết định trong mọi nỗ lực Marketing. Phương thức tiếp cận chiến lược Marketing của Công ty được phân thành 2 nhóm: Marketing trực tiếp với công tác bán hàng và xây dựng hình ảnh, và Marketing thông qua các hoạt động cộng đồng.

a) Marketing trực tiếp thông qua hoạt động bán hàng và xây dựng hình ảnh

Tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, hoạt động marketing và tìm kiếm khách hàng mới do các phòng ban Xuất nhập khẩu và kinh doanh FOB/OEM phụ trách. Công việc của các bộ phận này là tham gia các chương trình xúc tiến thương mại hoặc chủ động tiếp cận những khách hàng tiềm năng để thực hiện công tác quảng bá sản phẩm. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing và bán hàng của Công ty còn bao gồm nghiên cứu và phát triển thị trường, lên danh sách khách hàng tiềm năng, nghiên cứu các quy định liên quan đến xuất nhập khẩu như thủ tục pháp lý và các quy định tại nước sở tại.

Song song với việc quảng bá hình ảnh đến các khách hàng tiềm năng, Công ty cũng rất chú trọng đầu tư cho các nội dung, bài viết, hình ảnh liên quan đến hoạt động nội bộ. Trên trang chủ của Công ty tại địa chỉ tdtgroup.vn, các bài viết về hoạt động tập thể và các sự kiện trong ngày kỷ niệm, ngày lễ của Công ty cũng như cả quốc gia, các sản phẩm của Công ty và thông tin về hoạt động sản xuất được cập nhật thường xuyên với nội dung phong phú. Điều đó đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh về một TDT năng động, phát triển và hiện đại trong mắt các khách hàng và đối tác của Công ty.

b) Marketing gián tiếp để truyền bá hình ảnh Công ty thông qua các hoạt động cộng đồng

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, TDT luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội như: Trao học bổng cho trẻ em nghèo, tri ân cán bộ là bộ đội phục viên, hỗ trợ hộ nghèo trên địa bàn và nhiều tài trợ ý nghĩa khác.

Với những thành tích nổi bật đã đạt được trong hoạt động kinh doanh và hoạt động xã hội trên địa bàn, ngày 12/02/2018, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã vinh dự được Đồng chí Phạm Bình Minh - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến thăm và tặng quà Tết công nhân lao động. Cùng đi với Đoàn công tác của Phó Thủ tướng còn có Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Trần Văn Thuật, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam Trần Quốc Hùng. Phó Thủ tướng đã trao 50 suất quà cho các công nhân, người lao động có hoàn cảnh khó khăn đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Phú Bình. Phó Thủ tướng khẳng định những thành tựu chung của đất nước trong năm 2017, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, có sự đóng góp công sức chung của toàn thể công nhân, người lao động trên cả nước, trong đó có công nhân, người lao động tại TDT. Phó Thủ tướng đã chúc mừng và hy vọng trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT sẽ tiếp tục phát triển để tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân trên địa bàn, cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Thái Nguyên và nền kinh tế Việt Nam.

Bên cạnh đó, TDT luôn xem những hoạt động chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV là một phần quan trọng trong kế hoạch phát triển bền vững của Công ty. Điều đó khẳng định rõ nét thông qua nhiều chương trình thể thao văn hóa mà Công ty tổ chức hàng năm cho nhân viên.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo Công ty:



Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký bản quyền logo và thương hiệu TDT lên Cục sở hữu trí tuệ để được bảo hộ logo và thương hiệu TDT.

Hiện nay TDT chưa có bằng sáng chế sản phẩm nào.

Tầm nhìn: TDT không ngừng nỗ lực phấn đấu trở thành một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm may mặc thời trang xuất khẩu. Khẳng định thương hiệu và đăng cấp quốc tế để trở thành đối tác trực tiếp của các thương hiệu thời trang uy tín của thế giới.

Sứ mệnh: Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất mang lại sự hài lòng cho các đối tác, khách hàng. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn; tạo điều kiện có thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho mọi thành viên của TDT. Hòa hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng; minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn thượng tôn pháp luật.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Ban lãnh đạo Công ty hiểu rõ thực tế trong tương lai, nếu chỉ tiếp cận thị trường sẽ không đủ để tạo ra tăng trưởng và những doanh nghiệp sản xuất hoạt động trong lĩnh vực may mặc xuất khẩu như TDT sẽ cần phải đầu tư vào công nghệ, đặc biệt là công nghệ Công nghiệp 4.0. Để tăng năng suất và chất lượng duy trì sức cạnh tranh, trong những năm gần đây, TDT đã bắt đầu chú trọng đến việc nghiên cứu đưa các máy móc, công nghệ tiên tiến áp dụng vào thực trạng hoạt động sản xuất của mình. Việc áp dụng máy móc hiện đại, công nghệ tiên tiến trong thời gian tới được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Công ty, nâng cao sản lượng, hạn chế lỗi sản phẩm, tiết kiệm thời gian hoàn thành và giảm thiểu chi phí nhân công sản xuất.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình trong tương lai, Công ty xây dựng mục tiêu và chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 để thực hiện như sau:

- Tiếp tục tập trung và phát triển mảng hoạt động chính mà mình có thế mạnh là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu;
- Tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống nhà máy vệ tinh;
- Nâng cao trình độ thiết kế, phát triển mẫu, khả năng tìm nguồn nguyên liệu và kỹ năng đàm phán;
- Đầu tư vào công nghệ, máy móc hiện tại, quy trình quản lý sản xuất tinh gọn để đạt được tăng trưởng đột phá về năng lực sản xuất;
- Tăng dần tỷ trọng nhóm hàng FOB có tỷ suất lợi nhuận cao;
- Tích cực tìm kiếm khách hàng tại các thị trường thuộc khuôn khổ các Hiệp định tự do thương mại mà Việt Nam đang là thành viên;
- Mở văn phòng đại diện tại các thành phố lớn trong và ngoài nước, đặc biệt là thị trường xuất khẩu lớn của Công ty là Mỹ, EU và Nhật Bản nhằm đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, tiếp cận và làm việc trực tiếp với các khách hàng bán lẻ tại các thị trường này nhằm gia tăng tỷ suất lợi nhuận;

Nguồn lực dự kiến và nguồn vốn thực hiện kế hoạch của Công ty dự kiến như sau:

- Công ty tiếp tục các công tác và chính sách tuyển dụng để duy trì và phát huy nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng gay gắt của thị trường; cùng đội ngũ công nhân sản xuất lành nghề, đảm bảo tính liên tục của sản xuất và chất lượng sản phẩm;
- Công ty tận dụng tối đa nguồn vốn đang có, nghiên cứu sử dụng linh hoạt các nguồn vốn vay, vốn từ việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu, đảm bảo duy trì ổn định nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất của Công ty, là tiền đề để TDT vươn tầm thế mạnh, phát triển bền vững và đạt kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 của Công ty.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Loại lao động	31/12/2019	31/12/2020
I. Phân theo trình độ lao động		
1. Trình độ cao đẳng và đại học	54	68
2. Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	78	122
3. Sơ cấp nghề	1415	1538
4. Lao động phổ thông	362	130
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động		
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	1250	1613
2. Lao động không xác định thời hạn	66	92
3. Lao động trong thời gian thử việc	593	153
Tổng	1.909	1.858

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

11.2. Chính sách đối với người lao động

- Chính sách tuyển dụng: để thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao, mọi thông tin tuyển dụng đều được truyền tải đến ứng viên thích hợp cho vị trí tuyển dụng. Mục đích thu hút những ứng viên mới có tiềm năng cũng đang là mục đích nhìn nhận sự phát triển của toàn bộ nhân viên Công ty.
- Chính sách thu hút nhân tài (lương, thưởng, chế độ đãi ngộ...): chính sách đãi ngộ nhân viên ở mỗi cấp độ khác nhau phải đáp ứng được những yêu cầu của Công ty, đáp ứng nhu cầu của nhân viên, tạo mức cạnh tranh trong thị trường lao động, nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở và điều kiện thực tế của Công ty, mang lại công bằng trong những cơ hội nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật lao động Việt Nam hiện hành.
- Chính sách lương: đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường; mức thu nhập bình quân năm 2020 của người lao động tại Công ty là 7,5 triệu đồng/tháng. Nâng bậc lương đối với cán bộ gián tiếp đúng thời hạn, ngạch bậc và kịp thời. Xét và tổ chức thi nâng bậc đối với công nhân các cấp bậc cán bộ công nhân viên hàng năm theo đúng quy định.

- Chính sách đào tạo: đào tạo nhân viên từ khi bắt đầu công việc sẽ thúc đẩy việc hoàn thành tốt kế hoạch. Tất cả những ứng viên khi được lựa chọn là thành viên của Công ty sẽ được hưởng những cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn. Công ty hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Công tác đào tạo của Công ty sẽ tuân thủ theo mục tiêu của từng bộ phận, dựa vào nguồn lực hiện có và cả mục tiêu nghề nghiệp của nhân viên.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động trong Công ty

Năm 2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua kế hoạch thực hiện đợt phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP). Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP kèm theo Nghị quyết HĐQT số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 23/06/2021 và Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐQT ngày 21/07/2021 về việc Thông qua danh sách chào bán và nguyên tắc phân phối cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty những năm qua như sau:

	Tỷ lệ	Hình thức
Năm 2019	20%	Cổ phiếu
Năm 2020	15%	Cổ phiếu

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

❖ Thông tin về đợt chào bán gần nhất

- Căn cứ pháp lý:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2019 thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
 - + Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐQT ngày 11/06/2019 về việc thông qua triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
 - + Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐQT ngày 15/08/2019 thông qua phương án và kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu.
 - + Giấy phép chào bán số 112/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/10/2019.

- + Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐQT ngày 12/09/2019 điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- + Công văn số 02/2020/CV-TDT ngày 06/01/2020 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- + Báo cáo tình hình sử dụng vốn được kiểm toán ngày 11/05/2021.
- Chi tiết đợt tăng vốn:
 - + Số cổ phần chào bán: 2.404.512 cổ phần
 - + Giá trị chào bán thực tế thu được: 24.045.120.000 đồng
 - + Số lượng cổ đông tham gia đợt chào bán: 181 cổ đông
 - + Cơ quan chấp thuận chào bán cổ phiếu: Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
 - + Thời gian hoàn thành đợt chào bán: 31/12/2019.

❖ Mục đích sử dụng vốn

Theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho các mục đích sau:

- Bổ sung vốn đối ứng cho Dự án chi nhánh nhà máy Đại Từ: 20.000.000.000 đồng
- Bổ sung vốn lưu động: 4.045.120.000 đồng
- Tổng cộng: 24.045.120.000 đồng

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất thực tế, HĐQT TDT đã có Nghị quyết số 01A/2020/NQ-HĐQT ngày 15/01/2020 điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn, cụ thể:

- Vốn đầu tư Dự án chi nhánh Nhà máy Đại Từ: 2.788.425.786 đồng
- Bổ sung vốn lưu động: 14.729.894.214 đồng
- Trả nợ gốc vay: 6.526.800.000 đồng
- Tổng cộng: 24.045.120.000 đồng

Việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được HĐQT Công ty báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của TDT và được Đại hội chấp thuận thông qua.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của TDT

Hiện tại, Công ty không có những cam kết chưa thực hiện, bao gồm trái phiếu chưa đáo hạn hoặc các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

Hiện tại TDT đang có những hợp đồng thuê đất sau:

TT	Khu đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê	Số tiền thuê/năm
1	Tờ bản đồ địa chính số 06, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình do VP ĐK đất đai thuộc	10.696,7	Trụ sở Công ty, Nhà máy TDT Diềm Thụy	Xây dựng trụ sở Công ty, nhà máy sản xuất hàng may	11/10/2060	6.531 đồng/m ² /năm

	Sở Tài nguyên và MT trích lục tháng 4/2017 và trích lục tháng 7/2018			sở thuộc Nhà máy TDT Điềm Thụy		
2	Thửa đất chính lý số 1625 – tờ bản đồ địa chính số 06, xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	17.575,2	Nhà máy TDT Điềm Thụy	Xây dựng nhà máy sản xuất	27/12/2060	10.433,0 đồng/m ² /năm
3	Thửa đất chính lý số 1631 được xác định tại tờ trích đo địa chính số 6, do công ty Đo đạc và Bản đồ An thái xác lập.	3.579,2		Xây dựng nhà máy sản xuất (giai đoạn 2)	11/10/2060	4.408 đồng/m ² / năm
4	Thửa đất số 581, 582 tờ bản đồ số 23 xã Thịnh Đức, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	740	Nhà máy TDT Thịnh Đức	Xây dựng nhà máy sản xuất	05/10/2025	175.675 đồng/m ² /năm
5	Thửa đất số 597 tờ bản đồ địa chính số 23 xã Thịnh Đức, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	1.243			05/10/2021	160.901 đồng/m ² /năm
6	Bản đồ địa chính (Trích lục – chính lý) phục vụ công tác thuê đất dự án xây dựng nhà máy TDT Đại Từ	39.834,6	Nhà máy TDT Đại Từ	Xây dựng nhà máy may TDT Đại Từ	15/01/2048	8.779 đồng/m ² /năm

Nguồn: TDT

Các hợp đồng thuê đất trên đều được Công ty thanh toán đầy đủ tiền thuê đất theo quy định.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới TDT có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của TDT, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới TDT: Không có

Các thông tin khác:

Ngày 30/09/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Quyết định số 214/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT do vi phạm về việc không công bố thông tin theo quy định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn và Nghị quyết HĐQT thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2019; đồng thời không thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tiến độ sử dụng vốn

thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2019 theo quy định.

Ngày 06/10/2021, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt theo quy định.

16. Thông tin về cam kết của TDT không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT cam kết: “không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.” theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 – Quý III/2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	Lũy kế Quý III/2021
Tổng tài sản	340.830.198.294	394.734.974.125	15,8%	460.792.320.948
Doanh thu thuần	365.002.949.841	270.828.568.115	(25,8%)	299.538.264.934
Lợi nhuận từ HĐKD	30.770.305.995	16.926.214.453	(45,0%)	15.534.062.099
Lợi nhuận khác	770.235.932	1.351.887.415	75,5%	1.370.914.007
Lợi nhuận trước thuế	31.540.541.927	18.278.101.868	(42,0%)	16.904.976.106
Lợi nhuận sau thuế	26.152.609.705	15.713.192.409	(39,9%)	14.933.521.481
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	15%	15%	-	-

Nguồn: BCTC Công ty năm 2019, 2020 được kiểm toán; BCTC Công ty Quý III/2021

- Các chỉ tiêu khác: Không có
- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty**❖ Thuận lợi:**

- Việt Nam tiếp tục đứng trong Top 3 nước có kim ngạch xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 35 tỷ USD. Ngành dệt may được hưởng một số lợi ích từ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã kí kết, điều này chứng tỏ dư địa cho việc phát triển ngành dệt may tại nước ta vẫn còn dồi dào.
- Công ty có nhiều thuận lợi khi thị trường may mặc Trung Quốc đang đóng băng một phần do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, trong khi nhu cầu về đồ may mặc giá rẻ tại Mỹ là vô cùng lớn. Tận dụng được lợi thế này sẽ giúp doanh nghiệp chiếm được một phần thị phần từ Trung Quốc.
- Sự đoàn kết nhất trí cao trong ban lãnh đạo Công ty, sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự tin tưởng và yên tâm công tác của công nhân lao động, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty;
- Công ty thường xuyên nghiên cứu thị trường, phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh và bước đầu đưa Trung tâm đào tạo tay nghề cho nhân viên tại các xưởng may. Ngoài ra liên tục cập nhật xu thế về thị trường, từng bước khẳng định được thương hiệu dựa trên chuỗi giá trị chung của may mặc Việt Nam, góp phần vào hiệu quả kinh doanh chung của Công ty;

❖ Những nhân tố khó khăn:

- Đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn quốc đã ảnh hưởng lớn đến mọi hoạt động của Công ty: gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên vật liệu và sự sụt giảm đơn hàng do giãn cách xã hội và thói quen tiêu dùng bị thay đổi.
- Công ty nỗ lực tối đa trong việc đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động của Công ty trong bối cảnh đơn hàng sụt giảm, nhiều khách hàng không đặt hàng dài hạn (3 – 6 tháng) như trước.
- Tiếp tục đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các nước có ngành may mặc xuất khẩu phát triển khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là những nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... đe dọa thị trường xuất khẩu của Công ty.
- Xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam thời gian tới sang Mỹ sẽ gặp một số khó khăn khi quốc gia này đang thắt chặt hơn các quy định, quy chuẩn về an toàn đối với các sản phẩm nhập khẩu nhằm giảm thâm hụt thương mại. Cùng với đó, mức độ cạnh tranh giữa các nhà cung cấp hàng may mặc vào thị trường Mỹ cũng sẽ gay gắt hơn, không chỉ về chất lượng mà còn về khả năng giao hàng, đáp ứng đơn hàng cũng như việc triển khai các hoạt động sản xuất mang tính bền vững.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Không có

2. Tình hình hoạt động tài chính**2.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	Quý III/2021
Vốn điều lệ	116.217.970.000	139.461.440.000	139.461.440.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	38.804.859.079	30.498.484.306	45.432.005.787
Vốn chủ sở hữu	155.022.829.079	169.959.924.306	184.893.445.787

Nguồn: BCTC Công ty năm 2019, 2020 được kiểm toán; BCTC Công ty Quý III/2021

2.1.2. Khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính. Công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật về các chính sách khấu hao tài sản tại Công ty.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 – 15 năm
- Máy móc, thiết bị: 03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 03 – 06 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác: 03 – 05 năm

2.1.3. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty năm 2020 là 7,5 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đương so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành cùng địa bàn.

2.1.4. Tình hình công nợ

2.1.4.1. Các khoản phải thu

a) Tổng số nợ phải thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Phải thu ngắn hạn	34.539.137.651	32.743.282.817	64.688.277.654
Phải thu của khách hàng	21.914.146.660	25.223.439.355	63.326.732.134

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Trả trước cho người bán	4.596.141.166	420.443.462	1.092.389.938
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.120.000.000	2.135.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.908.849.825	4.964.400.000	269.155.582
Phải thu dài hạn	1.690.000.000	1.767.679.235	2.509.980.432
Phải thu dài hạn khác	1.690.000.000	1.767.679.235	2.509.980.432
Tổng cộng	36.229.137.651	34.510.962.052	67.198.258.086

Nguồn: BCTC Công ty năm 2019, 2020 được kiểm toán; BCTC Công ty Quý III/2021

b) Các khoản phải thu quá hạn

Theo Báo cáo tài chính năm 2019 - 2020 của Công ty được kiểm toán, tại ngày 31/12/2020, Công ty không phát sinh các khoản phải thu quá hạn.

2.1.4.2. Các khoản phải trả

a) Tổng số nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Nợ ngắn hạn	153.702.633.409	181.705.957.220	217.692.886.278
Phải trả người bán	15.518.023.400	12.001.856.244	35.833.985.190
Người mua trả tiền trước	-	44.763.283	-
Các khoản thuế phải nộp	821.247.658	1.592.385.678	1.858.062.084
Phải trả NLD	11.550.000.000	10.526.981.686	11.244.798.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	573.943.522	525.686.521	1.021.727.779
Phải trả ngắn hạn khác	1.161.829.692	4.823.522.754	7.090.787.069
Vay và nợ ngắn hạn	123.574.023.844	150.967.098.579	159.818.863.381
Quỹ khen thưởng phúc lợi	503.565.293	1.223.662.475	824.662.475
Nợ dài hạn	32.104.735.806	43.069.092.599	58.205.988.883
Phải trả dài hạn khác	32.104.735.806	43.069.092.599	58.205.988.883

Tổng cộng	185.807.369.215	224.775.049.819	275.898.875.161
------------------	------------------------	------------------------	------------------------

Nguồn: BCTC Công ty năm 2019, 2020 được kiểm toán; BCTC Công ty Quý III/2021

b) Tình hình thanh toán các khoản nợ

Căn cứ vào các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2019-2020, Công ty không phát sinh các khoản nợ quá hạn nào. Các khoản vay, nợ tại Công ty đều được thanh toán đủ lãi và gốc đúng hạn.

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước	Đơn vị tính	31/12/2019	31/12/2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	VNĐ	759.663.983	1.464.948.038
Thuế thu nhập cá nhân	VNĐ	61.583.675	125.557.640
Các loại thuế, phí khác	VNĐ	-	1.880.000
Tổng	VNĐ	821.247.658	1.592.385.678

Nguồn: BCTC Công ty năm 2019, 2020 được kiểm toán

Hiện nay, Công ty không có các khoản chậm trả, chậm nộp, nợ thuế nào theo quy định của pháp luật.

2.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	503.565.293	1.223.662.475	824.662.475
Tổng cộng	503.565.293	1.223.662.475	824.662.475

Nguồn: BCTC Công ty năm 2019, 2020 được kiểm toán; BCTC Công ty Quý III/2021

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của TDT kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2019	31/12/2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,31	1,21
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,52	0,25
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	%	54,52	56,94
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	119,86	132,25
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,07	0,69
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	7,63	7,05
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,41	0,89
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	7,17	5,80
Hệ số LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,87	9,25
Hệ số LNST trên vốn kinh doanh (ROA)	%	7,67	3,98
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đ/cp	2.250	1.127

Nguồn: Tính toán từ BCTC Công ty được kiểm toán năm 2019, 2020

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

❖ Ý kiến tổ chức kiểm toán độc lập trên Báo cáo tài chính năm 2019:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

❖ Ý kiến tổ chức kiểm toán độc lập trên Báo cáo tài chính Công ty năm 2019:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Đầu tư

và Phát triển TDT, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	
			Giá trị	% tăng giảm so với năm 2020
1. Doanh thu thuần	Triệu Đồng	270.828	475.576	75,6%
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	15.713	30.100	91,56%
3. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,80	6,33	9,13
4. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,25	15,04	5,79
5. Tỷ lệ Cổ tức	%	15	15-20	0-5

Nguồn: Ban Điều hành TDT

4.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Năm 2020 được coi là một năm nhiều thử thách với TDT khi Công ty chịu ảnh hưởng không nhỏ từ Đại dịch Covid, dẫn đến việc doanh thu thực hiện không đạt được như kế hoạch đề ra.

Năm 2021 được Ban Tổng giám đốc đánh giá vẫn là một năm nhiều khó khăn, thử thách với Công ty. Để có thể vượt qua giai đoạn này, Ban Điều hành TDT xây dựng chiến lược hoạt động tổng thể cho toàn Công ty như sau:

- Trong đơn hàng FOB, do được tự chủ về mặt nguyên vật liệu, giá trị lợi nhuận đạt khoảng 3% - 5% so với doanh thu thuần (trong khi đó, đơn hàng CMT chỉ đạt 1%-3%). Vì vậy, Công ty đặt định hướng phát triển và tăng tỷ trọng các đơn hàng theo phương thức FOB trong dài hạn.
- Kỳ vọng nhu cầu mua sắm của người dân sẽ tăng sau đại dịch, Công ty tiếp tục nghiên cứu tiến hành các dự án mở rộng quy mô sản xuất bị trì hoãn trong năm 2020.
- Đẩy mạnh các hoạt động Marketing, bán hàng, đàm phán mở rộng mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước, tiếp cận các thị trường mới.
- Gia tăng sự tin nhiệm và trung thành của người lao động, động viên tinh thần của người lao động tại Công ty, Ban lãnh đạo Công ty xem xét hỗ trợ người lao động thực hiện tiêm phòng Covid-19 đủ các mũi khi có lượng vắc xin đủ tại Việt Nam.

4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2018-2020; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như kế hoạch Công ty năm 2021, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động tiêu cực lớn thì SHS đánh giá kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty được xây dựng phù hợp với khả năng của Công ty.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600941221 lần đầu ngày 29/12/2010. Căn cứ theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”

Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan đến các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên

STT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	Quan hệ với TDT	Thời điểm trở thành cổ đông lớn đến hiện tại (không thay đổi)		Dự kiến sau đợt chào bán (*)	
				Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Chu Thuyên						
	Năm sinh: 1970 Quốc tịch: Việt Nam		Cổ đông lớn	2.201.100	15,78%	2.934.800	15,78%
	Người có liên quan						
1	Dương Thị Thời	Mẹ đẻ	Không	0	0	0	0
2	Chu Cẩm Thủy	Chị gái	không	0	0	0	0
3	Chu Thị Thao	Em gái	Không	0	0	0	0
4	Nguyễn Thị Phượng	Vợ	Không	174.000	1,25%	232.000	1,25%

STT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	Quan hệ với TDT	Thời điểm trở thành cổ đông lớn đến hiện tại (không thay đổi)		Dự kiến sau đợt chào bán (*)	
				Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
5	Chu Khánh Linh	Con đẻ	Không	0	0	0	0
6	Chu Việt Anh	Con đẻ	Không	0	0	0	0
7	Chu Mỹ Linh	Con đẻ	Không	0	0	0	0
II	Nguyễn Việt Thắng Năm sinh: 1975 Quốc tịch: Việt Nam		Cổ đông lớn	1.230.000	8,82%	1.640.000	8,82%
1	Trần Thị Bích Ngọc	Vợ	Không	0	0	0	0
2	Nguyễn Huy Quát	Bố đẻ	Không	34.500	0,25%	46.000	0,25%
3	Trần Thị Thủy	Mẹ đẻ	Không	34.500	0,25%	46.000	0,25%
4	Nguyễn Anh Minh	Con đẻ	Không	0	0	0	0
5	Nguyễn Thị Vân Anh	Chị gái	Không	0	0	0	0

Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

(*) Tạm tính trên số lượng cổ phiếu tăng thêm do đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 4.648.714 cổ phiếu), tổng số lượng cổ phiếu sau chào bán dự kiến: 18.594.858 cổ phiếu.

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TDT và cổ đông lớn sở hữu trên 10% tổng số cổ phiếu phổ thông của TDT và người có liên quan đến cổ đông này: Không có

Lợi ích có liên quan của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có

Lợi ích có liên quan của cổ đông lớn tại TDT: Không có

Lợi ích có liên quan của người có liên quan của cổ đông lớn tại TDT: Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông Chu Thuyên	31/12/1970	090717906	Chủ tịch HĐQT

2	Ông Nguyễn Việt Thắng	24/07/1975	090717849	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Thái Hòa	20/09/1982	090752537	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
4	Ông Dương Ngọc Hải	17/02/1982	090762190	Thành viên HĐQT độc lập
5	Ông Phan Mạnh Hà	28/09/1979	001079010155	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Đỗ Mạnh Hùng	20/05/1958	090028525	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Nguyễn Văn Bằng	25/04/1977	019077000150	Thành viên HĐQT

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Ông Chu Thuyên - Chủ tịch HĐQT

Họ tên	:	Chu Thuyên
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	31/12/1970
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
Số CMND	:	090717906
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 21, P. Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân luật
Quá trình công tác	:	
2002 - 10/2014	:	Trưởng nhóm Vật tư – XNK - Phòng kế hoạch vật tư - Công ty May Thái Nguyên
10/2004 - 08/2007	:	Giám đốc Xí nghiệp Vật tư vận tải - Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG
08/2007 - 03/2011	:	Giám đốc Trung tâm thời trang TNG - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
03/2011	:	Cùng với các cổ đông khác, ông Chu Thuyên sáng lập và giữ

		vai trò Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
11/ 2016 – 18/09/2020	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
18/09/2020 – Nay	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	2.201.100 cổ phần, chiếm 15,78% vốn điều lệ, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 2.201.100 cổ phần, chiếm 15,78% vốn điều lệ - Đại diện sở hữu: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	
Nguyễn Thị Phương		- Mối quan hệ: Vợ - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 174.000 cổ phần, chiếm 1,25% vốn điều lệ (không có sở hữu đại diện) - Sở hữu của những người có liên quan: + Chu Thuyên (chồng): sở hữu cá nhân 2.201.100 cổ phần, chiếm 15,78% vốn điều lệ + Những người có liên quan khác: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ nhận thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, cụ thể: - Năm 2019: 777 triệu đồng - Năm 2020: 699 triệu đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách		

hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có

b. Ông Nguyễn Việt Thắng – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ tên	:	Nguyễn Việt Thắng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	24/07/1975
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
Số CMND	:	090717849
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Phường Đồng Quang, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	:	
2002 - 10/2014	:	Trưởng đại diện hãng tàu OOCL tại Hà Nội - Công ty Liên doanh vận tải biển Việt Pháp (Gematrans)
01/2005 - 03/2011	:	Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG TVHĐQT
03/2011 – 18/09/2020	:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
18/09/2020- Nay	:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	1.230.000 cổ phần, chiếm 8,82% vốn điều lệ, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 1.230.000 cổ phần, chiếm 8,82% vốn điều lệ - Đại diện sở hữu: Không có

Sở hữu của người có liên quan	:	
Nguyễn Huy Quát		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Mối quan hệ: Bố ruột</i> - <i>Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 34.500 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ (không có sở hữu đại diện)</i> - <i>Sở hữu của những người có liên quan:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Trần Thị Thủy (Vợ): sở hữu cá nhân 34.500 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ</i> + <i>Nguyễn Việt Thắng (con ruột): sở hữu cá nhân 1.230.000 cổ phần, chiếm 8,82% vốn điều lệ</i> + <i>Những người có liên quan khác: Không có</i>
Trần Thị Thủy		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Mối quan hệ: Mẹ ruột</i> - <i>Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 34.500 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ (không có sở hữu đại diện)</i> - <i>Sở hữu của những người có liên quan:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nguyễn Huy Quát (Chồng): sở hữu cá nhân 34.500 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ</i> + <i>Trần Việt Thắng (con ruột): sở hữu cá nhân 1.230.000 cổ phần, chiếm 8,82% vốn điều lệ</i> + <i>Những người có liên quan khác: Không có</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	<p>Chỉ nhận thù lao Thanh viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, và tiền lương Tổng Giám đốc, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2019: 580 triệu đồng - Năm 2020: 496,5 triệu đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có		

c. Ông Phạm Thái Hòa – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Họ tên	:	Phạm Thái Hòa
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	20/09/1982
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
Số CMND	:	090752537
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 9, P. Phú Xá, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	
2008 - 04/2010		Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty CP Đầu tư và TM TNG
05/2010- 02/2011		Phó Phòng Kế toán - Công ty CP Đầu tư và TM TNG
03/2011- 06/2011		Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Đầu tư và TM TNG
07/2011- 06/2014		Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
06/2014 – nay		Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	298.000 cổ phiếu, chiếm 2,14% vốn điều lệ, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 298.000 cổ phiếu, chiếm 2,14% vốn điều lệ - Đại diện sở hữu: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có

Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ nhận thù lao Thanh viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, và tiền lương Kế toán trưởng, cụ thể: - Năm 2019: 334 triệu đồng - Năm 2020: 308,5 triệu đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có		

d. Ông Dương Ngọc Hải – Thành viên HĐQT độc lập

Họ tên	:	Dương Ngọc Hải
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	17/02/1982
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
Số CMND	:	090762190
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 18, p. Gia Sàng, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	:	
2006 – 10/2008	:	Cán bộ - Sở Khoa học và Công nghệ Thái Nguyên – Trung tâm Thông tin Công nghệ
10/2008 – 07/2015	:	Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Công nghệ Thông tin H3T
08/2015 – 08/2016	:	Chủ tịch HĐQT – Công ty CP In Thái Nguyên

08/2016 – nay	:	Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Thực phẩm sạch Thái Nguyên Thành viên HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Thực phẩm sạch Thái Nguyên
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ nhận thù lao Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, cụ thể: - Năm 2019: 20 triệu đồng - Năm 2020: 50 triệu đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có		

e. Ông Phan Mạnh Hà – Thành viên HĐQT độc lập

Họ tên	:	Phan Mạnh Hà
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	28/09/1979
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND	:	001079010155
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	XNXD4, Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội

Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	
2002 – 12/2006		Trưởng phòng kinh doanh – Công ty CP Tara
01/2007 – 12/2010		Trưởng nhóm giao dịch KH cao cấp – Công ty CP Chứng khoán Kim Long
01/2010 – 08/2014		Giám đốc môi giới – Công ty CP chứng khoán Navibank
09/2014 – nay		Giám đốc kinh doanh – Công ty CP chứng khoán VNDirect
04/2020 – nay		Thành viên HĐQT độc lập – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Giám đốc kinh doanh – Công ty CP Chứng khoán VNDirect
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ nhận thù lao Thanh viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2019: Không có (chưa được bổ nhiệm) - Năm 2020: 50 triệu đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có		

f. Ông Đỗ Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT độc lập

Họ tên	:	Đỗ Mạnh Hùng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	20/05/1958
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
Số CMND	:	090028525
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 3, p. Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Toán
Quá trình công tác	:	
1979 – 1981		<i>Giáo viên – Trường Sư phạm bồi dưỡng Bắc Thái</i>
1982 – 1997		<i>Bí thư – Tỉnh đoàn Thái Nguyên</i>
1997 – 2000		<i>Giám đốc – Đài truyền hình tỉnh Thái Nguyên</i>
2000 – 2004		<i>Bí thư – Huyện ủy Phú Lương – tỉnh Thái Nguyên</i>
2005 – 2006		<i>Bí Thư – Đảng ủy Khối Dân – Chính – Đảng Thái Nguyên</i>
2006 – 2007		<i>Hiệu trưởng – Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên</i>
2007 – 2011		<i>Phó Trưởng đoàn – Đoàn Đại biểu Quốc hội TN</i>
2011 – 2016		<i>Phó chủ nhiệm - Ủy ban các vấn đề xã hội Quốc hội VN</i>
2016 – 2018		<i>Phó chủ nhiệm – Văn phòng Quốc hội VN</i>
04/2020 – nay		<i>Thành viên HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT</i>
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	47.800 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ, trong đó:

		- Sở hữu cá nhân: 47.800 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ - Đại diện sở hữu: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ nhận thù lao Thanh viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, cụ thể: - Năm 2019: Không có (chưa được bổ nhiệm) - Năm 2020: 50 triệu đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có		

g. Ông Nguyễn Văn Bằng – Thành viên HĐQT

Họ tên	:	Nguyễn Văn Bằng
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	25/04/1977
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
Số CMND	:	019077000150
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Xóm Hưng Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật Quốc tế
Quá trình công tác	:	

2000 – 2002		Nhân viên Phòng Dự án – Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 (Cienco 8)
2002 – 2005		Nhân viên Phòng Dự án – Công ty điện tử công nghiệp – Tổng Công ty điện tử và tin học Việt Nam
2005 – 2007		Chuyên viên Ban Quốc tế - Trung ương Đoàn TNCS HCM
2007 – 2011		Phó giám đốc – Công ty TNHH may Minh Anh
2011 – 2016		Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Giấy An Hòa
2016 – 2017		Phó Tổng Giám đốc – Tập đoàn Dabaco VN
2017 – 2019		Giám đốc chi nhánh – Công ty TNHH Giấy Trường Xuân
2019 – 05/2021		Trợ lý Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
16/05/2021 – nay		Thành viên HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ nhận thù lao Thanh viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Năm 2019 – 2020 không phát sinh thù lao do chưa được bầu làm thành viên HĐQT.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có		

3.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Bà Lê Thị Hồng Thắm	23/04/1973	090646698	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Kim Thành	10/08/1991	091692513	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Đỗ Ngọc Tuyển	15/12/1980	090833848	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a. Bà Lê Thị Hồng Thắm – Trưởng ban kiểm soát

Họ tên	:	Lê Thị Hồng Thắm
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	23/04/1973
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
Số CMND	:	090646698
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 13, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản lý Kinh tế
Quá trình công tác	:	
T9/1993-T4/2006		Kế toán - Công ty CP XD số 2 Thái Nguyên
T5/2006 – T9/2010		Kế toán - Trường Trung cấp Nghề Thái Nguyên
T10/2010 - T04/2011		Phó phòng Kế toán – tài vụ - Trường Trung cấp Nghề Thái Nguyên
T05/2011 – T3/2020		Trưởng phòng kế toán - Trường Trung cấp Nghề Thái Nguyên
T01/05/2012 – Nay		Kế toán trưởng - Trường Trung cấp Nghề Thái Nguyên

T5/2020 – Nay	:	Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Kế toán trưởng - Trường Trung cấp Nghề Thái Nguyên
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	36.000 cổ phiếu, chiếm 0,26% vốn điều lệ, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 36.000 cổ phiếu, chiếm 0,26% vốn điều lệ - Đại diện sở hữu: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Chỉ nhận thù lao Thành viên BKS do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Năm 2019 – 2020 không phát sinh thù lao do chưa được bầu là Trưởng BKS.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có		

b. Bà Nguyễn Thị Kim Thành – Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên	:	Nguyễn Thị Kim Thành
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	10/08/1991
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
Số CMND	:	091692513
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh

Địa chỉ thường trú	:	Tổ 1A, p. Tân Lập, Tp. Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	:	
01/2014 – 05/2017		Nhân viên Phòng Kinh doanh – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
05/2017 – 2020		Nhân viên Phòng Kế toán – Kế hoạch tổng hợp – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
05/2020 – nay		Thành viên BKS – Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	11.510 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 11.510 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ - Đại diện sở hữu: không có
Sở hữu của người có liên quan	:	
Nguyễn Duy Tùng		- Mối quan hệ: <i>Chồng</i> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 9.980 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ (không có sở hữu đại diện) - Sở hữu của những người có liên quan: + Nguyễn Thị Kim Thành (Vợ): sở hữu cá nhân 11.510 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ + Những người có liên quan khác: <i>Không có</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Năm 2019 - 2020 chưa có thù lao do chưa được bầu.

Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có		

c. Ông Đỗ Ngọc Tuyền – Thành viên BKS

Họ tên	:	Đỗ Ngọc Tuyền
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	15/12/1980
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
Số CMND	:	090833848
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 3, P. Tân Lập, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân quản lý nhân lực
Quá trình công tác	:	
2002 - 05/2005		<i>Nhân viên - Phòng Tổ chức Công ty CP Bê tông và Xây dựng TN</i>
06/2005 - 06/2006		<i>Nhân viên - Phòng Tổ chức Công ty CP may XK Thái Nguyên</i>
07/2006 - 08/2007		<i>Phó phòng - Phòng Tổ chức Công ty cổ phần may XK Thái Nguyên</i>
09/2007 - 11/2007		<i>Phó phòng - Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG</i>
12/2007 - 05/2010		<i>Nhân viên - Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG</i>

06/2010 - 08/2010		Trưởng phòng - Phòng Tổ chức chi nhánh TNG 4 - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
09/2010 - 12/2010		Phó phòng - Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2011 - 04/2011		Trưởng phòng - Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
05/2011 - nay		Thành viên BKS và Trưởng phòng - Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên BKS và Trưởng phòng - Phòng Tổ chức
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	:	27.600 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ, trong đó: - Sở hữu cá nhân: 27.600 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ - Đại diện sở hữu: Không có
Sở hữu của người có liên quan	:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao thành viên Ban Kiểm soát do ĐHCĐ thông qua hàng năm, và tiền lương Trưởng phòng Tổ chức Công ty, cụ thể: - Năm 2019: 223,8 triệu đồng - Năm 2020: 243,1 triệu đồng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động KD trong cùng lĩnh vực với TDT hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TDT: Không có		

3.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Việt Thắng	24/07/1975	090717849	Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Thái Hòa	20/09/1982	090752537	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng như sau:

Ông Nguyễn Việt Thắng – Tổng Giám đốc

Xin xem tại Mục Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Phạm Thái Hòa – Kế toán trưởng

Xin xem tại Mục Thành viên Hội đồng quản trị

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 4.648.714 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 46.487.140.000 đồng
- Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phần
- Phương pháp tính giá**

a. Nguyên tắc xác định giá chào bán:

- Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT tại thời điểm 31/12/2020 trên BCTC kiểm toán: 11.257 đồng/cổ phiếu
- Giá trị thị trường cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT giao dịch tại SGD Chứng khoán Hà Nội tại ngày 20/04/2021: 13.200 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu bình quân theo 2 phương pháp:

Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng/cp)
Phương pháp giá trị sổ sách	11.257
Phương pháp giá trị trường	13.200
Giá bình quân	12.28

b. Xác định giá chào bán:

Căn cứ tình hình thị trường chung và các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán, đồng thời tạo điều kiện để cổ đông hiện hữu có thể tiếp tục tham gia đóng góp vào quá trình phát triển của Công ty, HĐQT quyết định giá chào bán là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 03:01

căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 03 cổ phiếu sẽ có 03 quyền mua, cứ 03 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu mới.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết:
 - Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu mỗi cổ đông nhận sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) phát sinh (nếu có) sẽ được HĐQT lựa chọn phân phối cho các nhà đầu tư khác theo quy định.
 - Xử lý cổ phiếu cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, không mua hết, cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, không mua hết, cổ phiếu lẻ sẽ được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm và nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết như sau:

- o Có năng lực tài chính tốt, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty;
- o Có kinh nghiệm tư vấn, hỗ trợ Công ty về mặt quản trị điều hành, thị trường, kỹ thuật, công nghệ và hỗ trợ Công ty phát triển hoạt động kinh doanh;
- o Nhà đầu tư đáp ứng quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp năm 2020.

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không mua hết, không nộp tiền, cổ phiếu lẻ đáp ứng các quy định tại Khoản 3 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu của 01 nhà đầu tư: 01 cổ phiếu
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:
 - **Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán:** việc đăng ký mua cổ phiếu, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phiếu được thực hiện tại các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
 - **Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán:** việc đăng ký mua cổ phiếu, chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phiếu được thực hiện tại trụ sở chính của Công ty.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Sau khi nhận được giấy phép chào bán cổ phiếu của UBCKNN, Công ty sẽ phân phối cổ phiếu với lịch trình dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
3	Thực hiện Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	
	<i>Chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu</i>	<i>D + 12</i>
	<i>Chuyển nhượng quyền mua</i>	<i>D + 19 đến D + 33</i>
	<i>Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu</i>	<i>D + 19 đến D + 39</i>
	<i>Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu</i> <i>Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết</i>	<i>D+40 đến D+50</i>
	<i>Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết</i>	<i>D + 51 đến D + 55</i>
8	Báo cáo kết quả chào bán	D+56
9	Thời gian chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư	Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán

Lưu ý:

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng và tình hình thực tế thực hiện đợt phát hành;
- Việc thực hiện phân phối cổ phiếu của Công ty có thể kéo dài và nằm trong thời hạn quy định của Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng
- D là ngày nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- Chuyển nhượng quyền mua: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách chốt quyền do Trung tâm lưu ký Việt Nam cung cấp được chuyển quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển

nhượng quyền mua cho người thứ ba;

- Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:
 - Đối với số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu: Tự do chuyển nhượng.
 - Đối với số cổ phiếu lẻ được HĐQT phân phối lại cho cổ đông, nhà đầu tư khác: Tự do chuyển nhượng.
 - Đối với số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không mua hết, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác: hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Đối với cổ phiếu phát hành cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP)

Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phát hành cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (căn cứ theo Quy chế phát hành ESOP ban hành kèm theo Nghị quyết Hội đồng số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 23/06/2021 của Công ty):

- Đối với số cổ phiếu do cán bộ nhân viên thực hiện quyền mua: Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Số lượng cổ phiếu còn dư do CBNV trong danh sách không thực hiện đăng ký mua hoặc không mua hết được HĐQT phân phối lại cho các CBNV khác trong danh sách: Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

11. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

CTCP Đầu tư và Phát triển TDT không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà Pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tài khoản: 115002691182

Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh: Thái Nguyên

Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán để đầu tư mua sắm tài sản và bổ sung vốn lưu động nên không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 70%.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty xác định theo quy định pháp luật là 49%.

Tại ngày 15/10/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0,20% vốn điều lệ của TDT. Công ty cam kết thực hiện việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.

15. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu, nhận cổ tức ... theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

15.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- ✓ Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

15.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

16. Thông tin về các cam kết

- Cam kết việc thực hiện niêm yết cổ phiếu:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã có Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐQT ngày 19/06/2021 về việc cam kết triển khai các thủ tục thực hiện việc đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu chào bán trên Sở giao dịch chứng khoán. Theo đó, toàn bộ số cổ phiếu chào bán sẽ được Công ty thực hiện các thủ tục để đưa vào thị trường giao dịch chứng khoán trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- Các cam kết khác liên quan đến đợt chào bán:

Ngày 21/07/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐQT về việc Cam kết thực hiện việc phân phối cổ phiếu còn dư trong đợt chào bán theo quy định của pháp luật.

Theo đó, HĐQT cam kết việc thực hiện phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc không mua hết từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2021 của Công ty theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Chứng khoán.

Trong trường hợp HĐQT phân phối số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc không mua hết cho các đối tượng khác dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán, HĐQT Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua theo đúng quy định của Pháp luật.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

- + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020: 2.091.921 cổ phiếu:

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ phiếu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100 : 15 (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 15 cổ phiếu mới).
- Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính trên BCTC kiểm toán năm 2020.
- Phương thức làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu mỗi cổ đông nhận sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 82 cổ phiếu, cổ đông A sẽ nhận được nhận cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $82 : 100 \times 15 = 12,3$ cổ phiếu. Cổ đông Nguyễn Văn A được nhận 12 cổ phiếu mới, 0,3 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

- + Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP): 650.000 cổ phiếu:

- Đối tượng phát hành: Cán bộ nhân viên có đóng góp tích cực trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tiêu chí lựa chọn cán bộ nhân viên, danh sách và số lượng cổ phần được mua được quy định chi tiết trong Quy chế phát hành ESOP do HĐQT ban hành.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành dự kiến: 6.500.000.000 đồng
- Hạn chế chuyển nhượng: 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành ESOP và chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 52.987.140.000 đồng sẽ được sử dụng cho các mục đích sau:

- Mua sắm bổ sung máy móc thiết bị cho nhà máy: 15.000.000.000 đồng
- Bổ sung vốn lưu động: 37.987.140.000 đồng

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Sử dụng tiền để mua sắm bổ sung máy móc thiết bị cho nhà máy

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 – 2023 của Chi nhánh Nhà máy may TDT Đại Từ, Công ty dự kiến sử dụng 15 tỷ đồng để mua sắm máy móc cho Nhà máy may TDT Đại Từ, cụ thể:

STT	TÊN MÁY MÓC	MÃ HIỆU/ SỐ MÁY	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐỐI TÁC CUNG CẤP DỰ KIẾN	SỐ TIỀN DỰ KIẾN MUA (VNĐ)
1	Máy 2 kim	Kim điện tử cơ động	Cái	65	Tungshing Sewing Co. Ltd	3.800.000.000
2	Máy vắt sổ	M900/MX	Cái	200	Tungshing Sewing Co. Ltd	4.020.000.000
3	Máy Trần đê	Trần đê xén/bằng	Cái	100	Tungshing Sewing Co. Ltd	1.200.000.000
4	Máy lập trình	Khổ rộng 80*120	Cái	20	Công ty TNHH Máy may Giang Thành	2.680.000.000
5	Máy phát điện	1000KBA	Cái	1	Công ty TNHH SXTM MDF Quang Duy	1.500.000.000
6	Máy phát điện	200KBA	Cái	1	Công ty TNHH SXTM MDF Quang	600.000.000

					Duy	
7	Lò hơi đốt rác	Công suất 1,5 tấn	Cái	1	Công ty TNHH Cơ khí Gia Tường	1.200.000.000
	Tổng cộng					15.000.000.000

2. Sử dụng tiền để bổ sung vốn lưu động

Công ty dự kiến sử dụng 37.987.140.000 đồng bổ sung vốn lưu động để nhập một số nguồn nguyên liệu cho các đơn hàng đầu ra của Công ty; đồng thời thanh toán lương cho người lao động của Công ty.

Năm 2020, Công ty gặp tương đối nhiều khó khăn do diễn biến khó lường và những biện pháp phòng dịch từ Chính phủ trước Đại dịch Covid-19 (giãn cách xã hội, hàng hóa xuất nhập khẩu lưu thông chậm...) dẫn đến doanh thu sụt giảm. Năm 2021, tự tin hơn với khả năng ứng biến trước đại dịch của Việt Nam và các quốc gia khác, cùng tiên lượng về diễn biến khả quan của việc tiêm phòng vaccine, Công ty kỳ vọng việc sản xuất kinh doanh có thể trở lại như trước khi đại dịch, bắt kịp xu thế tiêu dùng sau đại dịch.

Tính đến tháng 06/2021, Công ty đã ký kết được những đơn hàng xuất khẩu với giá trị khoảng 50,3 tỷ đồng với các đối tác sau:

Stt	Đối tác	Hợp đồng số	Loại hàng cung cấp	Giá trị Hợp đồng	Thời gian thực hiện
01	SUNJIN FASHION INTERNATIONAL COMPANY LIMITED	TDT-SUNJIN 2021 ngày 19/11/2020 Các phụ lục hợp đồng số: - 05 (ngày 01/03/2021) - 06 (ngày 26/04/2021) - 09 (ngày 03/06/2021)	Áo Jacket	344.153,50 USD	Quý III/2021
02	COBEST HONGKONG CO.LTD	01/TDT-COBEST-2020 ngày 15/10/2020 Các phụ lục HĐ số: - K19 (ngày 04/03/2021) - K20 (ngày 12/03/2021)	Quần nam Áo Jacket nữ	842.586,60 USD	Quý III – Quý IV/2021
03	FUYUAN INTERNATIONAL HOLDINGS PTE. LIMITED	TMOW21-20210317-PEGGY/YINA ngày 17/03/2021	Áo phao jacket	146.980,00 USD	Quý II/2021

04	YAKJIN TRADING CORPORATION	YJTDT21-0001 ngày 01/03/2021	Áo Jacket theo mẫu	854.921,20 USD	Quý II – Quý III/2021
	Tổng cộng (USD)			2.188.641,3	
	Tổng cộng (triệu VND)			~50.338,7	

Trong nửa cuối năm 2021, với hy vọng dịch bệnh được kiểm soát tốt, Công ty dự kiến tiếp tục kí kết thêm các hợp đồng may mặc khác với các đối tác trong và ngoài nước, với doanh thu dự kiến hơn 400 tỷ đồng để đạt được mục tiêu SXKD đề ra.

Đối với phương án bổ sung vốn lưu động, Công ty dùng số tiền thu được từ đợt chào bán để bổ sung nhập nguyên vật liệu dùng cho sản xuất, và trả lương cho người lao động, dự kiến như sau:

STT	Nhà cung cấp dự kiến	Hàng hóa	Giá trị dự kiến (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt phát hành	Thời gian nhận hàng	Thời hạn thanh toán
1	Công ty Cổ phần Dệt Trần Hiệp Thành	Vải	6.173.804.880	5.400.000.000	Thỏa thuận theo từng đợt đơn hàng	Đặt cọc 15% giá trị hợp đồng và thanh toán giá trị hàng trong vòng 30 ngày từ ngày nhận hóa đơn
2	Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Phong	Thùng carton	2.500.000.000	2.500.000.000	Theo đơn đặt hàng của TDT	45 – 60 ngày sau khi nhận được hóa đơn
3	Công ty Cổ phần Bao bì Kinh Đô	Túi PE	1.000.000.000	1.000.000.000	Theo đơn đặt hàng của TDT	45 ngày sau khi nhận hàng
4	SUZHOU GAOYUAN TEXTILE TECHNOLOGY CO.,LTD	Vải	4.500.000.000	4.500.000.000	Theo đơn đặt hàng của TDT	Thanh toán khi nhận hàng hoặc sau khi thực hiện vận chuyển
5	THE SEA FEATHER	Vải	3.100.000.000	3.087.140.000	Theo đơn đặt hàng của TDT	Thanh toán khi nhận hàng hoặc trước khi thực hiện vận chuyển
6	JIANGSU SAINTY TECHOWEAR	Vải	4.800.000.000	4.700.000.000	Theo đơn đặt hàng	Thanh toán khi nhận hàng hoặc trước khi

STT	Nhà cung cấp dự kiến	Hàng hóa	Giá trị dự kiến (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt phát hành	Thời gian nhận hàng	Thời hạn thanh toán
					của TDT	thực hiện vận chuyển
7	LIXIN GROUP TEXTILE (JIANGSU) CO. LTD	Vải	2.000.000.000	1.800.000.000	Theo đơn đặt hàng của TDT	Thanh toán khi nhận hàng hoặc trước khi thực hiện vận chuyển
8	Thanh toán lương		15.002.593.584	15.000.000.000		Dự kiến Quý IV/2021
	Tổng cộng		39.076.398.572	37.987.140.000		

3. Thông tin về thứ tự mục đích ưu tiên sử dụng vốn

Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, TDT sẽ ưu tiên sử dụng cho mục đích mua sắm máy móc bổ sung cho Nhà máy TDT Đại Từ. Cùng với đó, Hội đồng quản trị của Công ty sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung cho các mục đích sử dụng vốn hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM



VP chính: Tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 22210082

Fax: (84-24) 22210084

Website: www.pkf.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biên cơ hội thành giá trị

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888

Fax: (024) 3818 1688

Website: <http://www.shs.com.vn>

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng.Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM

Điện thoại: 08.3915 1368

Fax: 08. 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 352 5777

Fax: 0511. 352 5779

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Với vai trò là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

Khối lượng chào bán của Công ty năm 2021 là 4.648.714 *cổ phiếu*, tương đương 46.487.140.000 *đồng*, tương ứng 33,3% vốn điều lệ hiện tại của Công ty. Ngoài ra, Công ty phát hành với giá 10.000 *đồng/cổ phiếu*, thấp hơn so với giá trị sổ sách và giá giao dịch tại HNX ở thời điểm hiện tại. Vì vậy, tổ chức tư vấn đánh giá việc chào bán thành công là khả thi.

Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán: Không có

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
- Phụ lục III:** Điều lệ công ty
- Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính quý gần nhất

Thái Nguyên, ngày 19... tháng 10... năm 2021

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**



CHỦ TỊCH HĐQT

CHU THUYỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VIỆT THẮNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THÁI HÒA

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU THANH



CHỦ TỊCH

Handwritten signature of Trần Thị Ngọc Bích

TRẦN THỊ NGỌC BÍCH

Handwritten signature of Nguyễn Việt Hùng

NGUYỄN VIỆT HÙNG

ĐẠI BIỂU TỔ CHỨC TUYÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
K. TỔNG GIÁM ĐỐC

Handwritten signature of K. Tổng Giám Đốc



CHỦ TỊCH